




TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

BẢO MINH

Báo Cáo Thường Niên 2011

Annual Report





Các số liệu thể hiện trong Báo Cáo Thường Niên này được căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày 31/12/2011
All figures indicated in this Annual Report 2011 based on the consolidated financial statement as at December 31st 2011

3

Tổng quan

Overview

5

Giới thiệu Bảo Minh
Corporate Profile

6

Phát biểu của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Speech from Chairman

8

Thông điệp của Tổng Giám Đốc
Message from CEO

9

Cổ Đông
Shareholders

10

Hội Đồng Quản Trị & Ban Kiểm Soát
Board of Directors & Supervisory

11

Ban Điều Hành
Executive Board

12

Sơ Đồ Tổ Chức
Organization Chart

13

Tầm nhìn & Sứ Mệnh
Vision & Mission

14

Lãnh Đạo Các Ban Văn Phòng Tổng Công Ty
General Managers of Functional Divisions
Under The Head Office

16

Những Sự Kiện Nổi Bật
Highlights

17

Hoạt Động
Activities

39

Báo cáo tài chính riêng

Financial Statements

40

Báo cáo của Kiểm toán
Auditor's Report

42

Bảng Cân Đối Kế Toán
Balance Sheet

46

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 2011
2011 Income Statement

48

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ 2011
2011 Cash Flows Statement

50

Bảo Hiểm Trách Nhiệm Nghề Luật Sư/ Công Chứng Viên
Lawyer Career/ Notary Responsibility Insurance

51

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất
Consolidated Financial Statements

52

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất
Consolidated Balance Sheet

56

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất
Consolidated Income Statement

58

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất
Consolidated Cash Flows Statement

18

Chiến lược Kinh Doanh

Business Strategy

20

Kết Quả Kinh Doanh Hợp Nhất 2011
2011 Consolidated Business Result

21

Kế Hoạch Kinh Doanh Hợp Nhất 2012
Consolidated Business Target For 2012

22

Công Tác Quản Lý
Management Activities

24

Tái Bảo Hiểm

Reinsurance

26

Kết Quả Hoạt Động Đầu Tư Tài Chính
Financial Investment Activities

28

Bảo Hiểm Du Lịch Quốc Tế
International Tourism Insurance

29

Các Nghiệp Vụ Bảo Hiểm
Direct Insurance

30

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Hàng Hóa Vận Chuyển
Marine Cargo Insurance

31

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Tàu Thủy
Hull and P&I insurance

32

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Tài Sản
Property Insurance

33

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Kỹ Thuật
Engineering Insurance

34

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Trách Nhiệm
Liability Insurance

35

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Xe Cơ Giới
Vehicle Insurance

36

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Con Người
Health & Accident Insurance

37

Bảo Hiểm Nông Nghiệp
Agriculture Insurance

38

Bảo Hiểm Trách Nhiệm Bác Sĩ
Medical Responsibility Insurance

60

Công ty Thành viên

Branches

63

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh
investment in subsidiaries and joint Ventures



755

tỷ đồng/ Billion VND
Vốn điều lệ
Charter capital

4.071

tỷ đồng/ Billion VND
Tổng tài sản
Total Assets

2.692

tỷ đồng/ Billion VND
Doanh thu 2011
2011 Gross Revenue

“Sự an toàn, hạnh phúc và thành đạt
của khách hàng và xã hội
là mục tiêu hoạt động của chúng tôi.”

“Safety, happiness and success of clients and society are our targets”



Giới thiệu BẢO MINH

Corporate Profile

Tên pháp nhân : TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
Tên viết tắt : BẢO MINH
Địa chỉ : 26 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại : (08) 3829 4180
Fax : (08) 3829 4185
Hotline 24/7 : 1800 – 588812 (Miễn cước gọi đến)
Email : baominh@baominh.com.vn
Website : www.baominh.com.vn

Company's name: BAO MINH INSURANCE CORPORATION
Abbreviated name: BAO MINH
Head Office: 26 Ton That Dam St., Dist. 1, HCMC, Vietnam
Tel: (+84.8) 3829 4180
Fax: (+84.8) 3829 4185
Hotline 24/7: 1800 – 588812 (Free Incoming Calls)
Email: baominh@baominh.com.vn
Website: www.baominh.com.vn

Thành lập và Mô hình hoạt động:

Thành lập : Ngày 28 tháng 11 năm 1994
Từ 1994 – 2004 : Doanh nghiệp nhà nước
Từ 10/2004 : Công ty Cổ phần

Incorporation and operation form:

Date of incorporation: November 28th, 1994
From 1994 – 2004: Stated owned Enterprise
From 10/2004: Joint Stock Company

Mã chứng khoán : BMI
Ngày niêm yết : 28/11/2006 tại HNX
21/04/2008 tại HoSE

Stock code : BMI
Date of listed : November 28th, 2006 at HNX
April 21st, 2008 at HoSE

Vốn điều lệ : 755 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu 2011: 2.270 tỷ đồng
Tổng tài sản 2011 : 4.071 tỷ đồng

Charter capital: VND 755 billion
Owner's equity: VND 2,270 billion
Total Asset 2011: VND 4,071 billion

Phạm vi hoạt động: Kinh doanh BH phi nhân thọ
Kinh doanh Tái BH phi nhân thọ
Đầu tư tài chính

Scope of Activities: Non-life Insurance
Non-life Reinsurance
Financial investment

Nhân sự : 1.800 CBNV
3.600 đại lý chuyên nghiệp

Personnel: 1,800 staffs
3,600 professional agents

Mạng lưới : 18 Ban chức năng thuộc Trụ sở chính
01 Trung tâm Đào tạo chuyên biệt
59 Công ty thành viên trên toàn quốc

Operation Network: 18 Functional Divisions under the Head Office
01 Training Center
59 branches through out the country

Kết quả kinh doanh 2011:

- Tổng doanh thu : 2.692 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 176 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 148 tỷ đồng

2011 Business Results:

- Gross revenue: VND 2,692 Billion
- Profit before tax: VND 176 Billion
- Profit after tax: VND 148 Billion

Thị phần 2011 : 10,72% (đứng thứ 3/29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ)

2011's Market share: 10.72% (Top 3/29 in the market)



Phát biểu của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Speech from Chairman

Mr. TRẦN VĨNH ĐỨC, Ph.D
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
Chairman

Năm 2011, kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều khó khăn do những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và những vấn đề nội tại của nền kinh tế nước nhà.

Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, với các giải pháp kịp thời và hữu hiệu, Việt Nam đã kim chế được lạm phát ở mức 18%, vẫn duy trì mức tăng trưởng GDP là 5,6%. Doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 21.500 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với 2010. Doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 16.000 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với 2010.

Năm 2011 cũng là năm đầu tiên Bảo Minh thực hiện chiến lược kinh doanh cho giai đoạn 2011 - 2015. Trong năm qua, tập thể CBNV của Bảo Minh đã có nhiều cố gắng, vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện các mục tiêu do ĐHQĐĐ đưa ra và đã đạt được những kết quả như sau:

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm phát sinh: 2.692 tỷ đồng, trong đó:
 - Doanh thu phí BH gốc: 2.132 tỷ đồng.
 - Doanh thu tái BH: 227 tỉ đồng.
- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính: 333 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 148 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu: 2.270 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: 4.071 tỷ đồng.

Năm 2012, những khó khăn vốn có từ năm 2011 vẫn tiếp tục diễn ra, nguy cơ lạm phát còn cao, nhà nước tiến hành tái cấu trúc nền kinh tế, trong đó trọng tâm tái cấu trúc ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm sẽ tác động tới thị trường bảo hiểm.

Để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh năm 2012, Bảo Minh sẽ nỗ lực thực hiện các giải pháp tái cấu trúc để hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn cụ thể:

- Đánh giá năng lực hoạt động của tất cả cán bộ trong toàn hệ thống để tinh giảm đội ngũ, nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh của tất cả các đơn vị thành viên để xem xét việc đổi mới nhân sự lãnh đạo của các đơn vị và tìm các giải pháp đẩy mạnh kinh doanh, trường hợp cá biệt có thể giải thể hoặc sáp nhập.

- Xem lại hiệu quả kinh doanh của tất cả các sản phẩm nhằm hoàn thiện các bộ điều khoản, quy tắc, biểu phí theo hướng chặt chẽ về pháp lý và đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên.

- Tái cấu trúc lại danh mục đầu tư vốn, có giải pháp rút vốn góp tại những doanh nghiệp không có hiệu quả, tập trung mọi nguồn lực vào việc phát triển kinh doanh cốt lõi là BH phi nhân thọ.

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với thị trường Bảo hiểm Việt Nam nói chung và Bảo Minh nói riêng. Tuy nhiên, với tinh thần quyết tâm và nỗ lực không ngừng, Bảo Minh tin chắc sẽ vượt qua được mọi thử thách để vươn đến một tầm cao mới.

Nhân dịp này cho phép tôi thay mặt các cổ đông nhiệt liệt biểu dương sự cố gắng, lòng nhiệt tình, tâm huyết của toàn thể CBNV và đại lý Bảo Minh trong thời gian qua. Nhân đây cho phép tôi gửi lời cảm ơn đến các cơ quan ban ngành từ TW đến địa phương, Quý cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, các chuyên gia của AXA và đặc biệt là Quý khách hàng, đối tác đã ủng hộ, giúp đỡ Bảo Minh trong quá trình hoạt động kinh doanh và luôn mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Quý vị trong thời gian tới.

“Năm 2012 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với thị trường Bảo hiểm Việt Nam nói chung và Bảo Minh nói riêng. Tuy nhiên, với tinh thần quyết tâm và nỗ lực không ngừng, Bảo Minh tin chắc sẽ vượt qua được mọi thử thách để vươn đến một tầm cao mới.”

“Year 2012 will be the year filled with many difficulties and challenges for Viet Nam insurance market in general and for Bao Minh in particular. However, with the best efforts and the Spirit of determination, we believe that Bao Minh will overcome all challenges to raise to a new level.”

Year 2011 was the difficult year of Vietnam economy because of negative impact on economy crisis on over the world and interior problems of our nation's economy. However, under the leadership of Party and Government, along with the effective solutions, Vietnam has interrupted the inflation rate at 18%, still maintained the increased rate of GDP at 5,6%. Non-life Insurance revenue was VND 21,500 billion, up 25% in compare with year 2010. Life Insurance Revenue archived VND 16,000 billion, increasing 17% in comparison with year 2010.

Year 2011 was also the 1st year to implement its 5 year business plan (2011-2015). In the last year, the whole staff of Bao Minh overcame many difficulties and challenges in order to reach targets set out by the General Shareholders' Meeting with the following results:

- Arising insurance revenue was VND 2,692 billion including VND 2,132 billion of direct insurance premium revenue and VND 227 billion of inward reinsurance premium revenue;
- Revenue from investment activities was VND 333 billion.
- Profit before tax was VND 148 billion.
- Owner's fund was VND 2,270 billion; Total asset was VND 4,071 billion;

With the influence of economy crisis since 2011, the inflation was predicted to reach a high rate in year 2012. In addition, the policy of government regarding restructuring economy, especially focusing on banking industry, securities, and Insurance will impact on insurance market.

In order to accomplish the business strategy, Bao Minh needs to try the best to implement restructuring solutions for the better business result namely

- Evaluating the capabilities of working effectiveness of whole staffs in order to streamline on over Bao Minh

Insurance system to improve labor productivity.

- Evaluating the business result of all member companies to consider and replace the good one on some leader's positions and find out solutions to stimulate business operation; On the particular case, it can be dissolved or merged.
- Evaluating business effectiveness of all available products to complete articles, regulations, costs according to the law and guarantee the right of each parties legally
- Restructuring the list of products invested; having solutions to withdraw funds invested in ineffectiveness projects; mobilizing human and financial resources to concentrate on the development of non-life insurance industry.

Year 2012 will be the year filled with many difficulties and challenges for Viet Nam insurance market in general and for Bao Minh in particular. However, with the best efforts and the Spirit of determination, we believe that Bao Minh will overcome all challenges to raise to a new level.

On this occasion, on behalf of shareholders, I would like to praise and acknowledge the efforts, enthusiasm, of all Bao Minh's staffs and agencies. I would also like to express my gratitude to central and local, shareholders, members of Board of Directors, Supervisory Board, Experts from AXA and customers, partners for their valuable supports granted to Bao Minh during the course of its operation and hope to continue to receive your supports in the future.

Thông điệp của Tổng Giám Đốc

Message from CEO

Mr. LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám Đốc
CEO



Ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu nên năm 2011 là một năm nhiều khó khăn đối với nền kinh tế của đất nước, ảnh hưởng tới các doanh nghiệp và tới đời sống của người dân bởi lạm phát cao, đồng tiền thu nhập mất giá...

Năm 2012, được dự báo là năm còn khó khăn hơn. Tuy nhiên cho dù còn nhiều khó khăn nhưng chúng ta thấy rằng nhu cầu của người dân, của doanh nghiệp, của khách hàng về chất lượng dịch vụ không hề giảm mà càng ngày càng cao hơn, đặc biệt nhu cầu về đảm bảo an toàn cho cuộc sống và công việc trong mọi lĩnh vực, nắm bắt nhu cầu tất yếu này, Bao Minh chúng tôi - trong công việc kinh doanh - vẫn kiên trì tôn chỉ khẩu hiệu "**Bảo Minh - Tận tình phục vụ**" nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Để thực hiện việc này, trong năm 2012 - Bao Minh tiếp tục kiên định thực hiện các giải pháp sau:

1. Thiết kế các sản phẩm phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đặc biệt nâng cao chất lượng các khâu tư vấn, chăm sóc khách hàng, khâu giải quyết giám định và bồi thường khi có tổn thất xảy ra... nhằm đảm bảo cho khách hàng nhận được các quyền lợi tốt nhất khi tham gia bảo hiểm.
2. Tổ chức mạng lưới phục vụ khách hàng rộng khắp và ban hành quy trình bán hàng thuận tiện nhằm nâng cao việc phục vụ khách hàng mọi lúc mọi nơi cũng như cung cấp sản phẩm đến tận tay khách hàng.
3. Tiếp tục chuyên môn hóa các khâu bán hàng, khâu tư vấn bảo hiểm, khâu giám định và giải quyết bồi thường, đảm bảo cho khách hàng các quyền lợi khi mua bảo hiểm và hưởng được đầy đủ các quyền lợi bảo hiểm.
4. Để khách hàng được hưởng các quyền lợi bảo hiểm cao nhất như phí ưu đãi, chất lượng dịch vụ cao... Bao Minh sẽ tiếp tục tái cơ cấu lại mô hình tổ chức kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, hoàn thiện các trung tâm bồi thường, trung tâm chăm sóc khách hàng, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, cơ cấu lại các khoản đầu tư hiệu quả hơn.
5. Phát triển kinh doanh và phát triển nguồn nhân lực là hai nhân tố không thể tách rời. Công tác quản trị rủi ro, khai thác và sử dụng hệ thống CNTT sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

Với bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế thế giới, Bao Minh sẽ luôn nỗ lực không ngừng nhằm giữ vững và nâng cao vị thế trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Thông điệp này mong muốn được gửi tới khách hàng như là một cam kết của Bao Minh, và cũng là thông điệp gửi tới toàn thể CBNV của Bao Minh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra.

With the influence of global economy crisis, year 2011 was the difficult year of nation's economy, enterprises and people's life due to high rate inflation, devaluation of currency...

Year 2012 was predicted to be more difficult than the last year. Even though people get more difficulties, customer's demand in quality of service still increases continuously day by day; especially in ensuring safety in life and in working environment. Understanding thoroughly this essential demand, Bao Minh - in our business- will be determined to serve customers better each day as our slogan "**Bao Minh - Whole hearted-service**".

In 2012 - Bao Minh will continue to carry out consistently the following resolution:

1. Designing suitable products to meet customer's need, especially in increasing quality of customers consultancy, customers services, assessment and indemnity processes when losses occurred... in order to ensure the best interests for customers.
2. Organizing and expanding customer service network and promulgating convenient sale procedures to serve promptly and provide products in person to customers.
3. Specializing in sales, insurance consultancy, assessment and indemnity procedures; insuring customer's right.
4. To make sure the right of customers when joining Bao Minh Insurance such as high quality of service, preferential fee... Bao Minh will continue to restructure orderly organizational model; perfect indemnity and customer service center; economize enterprise management expenses; reorganize effectively projects invested.
5. Business development and human resources development are two undetachable factors. Risk management, exploitation management and Information Technology systems have been perfected to optimize business result.

In the gloomy economic context due to the influence of the world economy crisis, Bao Minh will try our best to maintain and increase the prestige on Viet Nam Insurance's market.

This message to the whole staffs and all Bao Minh's customers as the commitment of Bao Minh Insurance Corporation to do our best for business development.

CỔ ĐÔNG | Shareholders

| Tên Cổ Đông Shareholder's name | | Vốn đã góp đến ngày 31/12/2011 Capital contributed as at 31st Dec 2011 | |
|--|--|---|---------------|
| | | VND | % |
|  SCIC | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (State Capital Investment Corporation - SCIC) | 382.788.000.000 | 50,70 |
|  | Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm AXA (Pháp) (AXA Group) | 125.700.000.000 | 16,65 |
|  | Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) | 42.532.000.000 | 5,63 |
|  | Tập đoàn Sông Đà (Song Da Holdings) | 24.304.000.000 | 3,22 |
|  | Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam (Vinafood II) | 19.784.800.000 | 2,62 |
|  | Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam (VINALINES) | 12.152.000.000 | 1,61 |
|  | Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam (VINACHEM) | 12.152.000.000 | 1,61 |
|  | Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam (VINATABA) | 12.152.000.000 | 1,61 |
|  | Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam (VINACONEX) | 12.152.000.000 | 1,61 |
|  | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) | 6.076.000.000 | 0,80 |
|  | Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp (VIGECAM) | 6.076.000.000 | 0,80 |
|  | Tổng Công ty Thành An (Cục Kinh tế - Bộ Quốc Phòng) | 4.340.000.000 | 0,57 |
|  | CBNV Bảo Minh và cổ đông bên ngoài | 94.791.200.000 | 12,57 |
| TỔNG CỘNG TOTAL | | 755.000.000.000 | 100,00 |

Hội Đồng Quản Trị | Board of Directors



Mr. Trần Vĩnh Đức, Ph.D
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
Chairman



1



2



3



4



5



6

1 Mr. Costa Jean - Luc Francois, MBA
Phó Chủ tịch HĐQT / Vice Chairman

2 Mr. Lê Văn Thành, Lawyer
Thành viên / Member

3 Mr. Lê Song Lai, MBA
Thành viên / Member

4 Mr. Nguyễn Thế Năng, MBA
Thành viên / Member

5 Mr. Prasanna Rajashekhar Patil, MBA
Thành viên / Member

6 Mr. Mai Hữu Thọ, MBA
Thành viên / Member

Ban Kiểm Soát | Supervisory Board



Mr. Lê Việt Thành, MBA
Trưởng Ban Kiểm soát / Chief



Mr. Claude Pierre Seigne
Thành viên / Member



Mr. Trần Đức Hiệp, MBA
Thành viên / Member



Mr. Nguyễn Như Khoa, MBA
Thành viên / Member



Mr. Nguyễn Minh Dũng, MBA
Thành viên / Member

Ban Điều Hành | Executive Board



Mr. Lê Văn Thành, Lawyer
Tổng Giám đốc / CEO

Sinh năm: 1960 tại Hà Nội.
Trình độ: Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật Quốc tế; Cử nhân chính trị cao cấp, Quản trị Kinh doanh và Tài chính cao cấp; Luật sư.
Từ 1986 - 1994: Phó phòng BH Tàu biển Bảo Minh.
Từ 1994 - 9/2001: Trưởng phòng Bồi thường Bảo Minh.
Từ 9/2001 - 10/2004: Phó Giám đốc Bảo Minh.
Từ 10/2004 - 11/2009: Phó Tổng Giám đốc Bảo Minh.
Từ 10/2009 đến nay: Tổng Giám đốc Bảo Minh.

Born in 1960 in Ha Noi.
Qualifications: Bachelor of Law major in International Law; Bachelor of haute politics, Business Administration and Finance; Lawyer.
From 1986 - 1994: Deputy Manager of Hull and P&I insurance of Bao Viet.
From 1994 - 9/2001: Claims Manager of Bao Minh.
From 9/2001 - 10/2004: Vice Director of Bao Minh.
From 10/2004 - 11/2009: Vice CEO of Bao Minh.
Since 10/2009: CEO of Bao Minh.



Mr. Nguyễn Thế Năng, MBA
Phó TGDĐ TT / Standing Vice CEO

Sinh năm 1963 tại Hà Nội.
Trình độ: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh tế ngoại thương; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Wisconsin Madison (Mỹ).
Từ 12/1986 - 6/1993: Cán bộ Bảo Việt.
Từ 6/1993 - 8/2004: Cán bộ Vụ tài chính Ngân hàng, Phó Vụ Trưởng Vụ BH (Bộ Tài chính).
Từ 8/2004 - 10/2004: Phó Giám đốc Bảo Minh.
Từ 10/2004 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Bảo Minh.

Born in 1963 in Ha Noi.
Qualifications: Bachelor of economy, major in Foreign Trade; Master of Business Administration at Wisconsin University (USA).
From 12/1986 - 6/1993: Officer of Bao Viet.
From 6/1993 - 8/2004: Officer of Banking and Financial Department and then Deputy Director of Department of Insurance (Ministry of Finance).
From 8/2004 - 10/2004: Vice Director of Bao Minh.
Since 10/2004: Vice CEO of Bao Minh.



Mr. Phạm Xuân Phong
Phó Tổng Giám đốc / Vice CEO

Sinh năm 1957 tại Phú Thọ.
Trình độ: Cử nhân Kinh tế, trường Đại học Tài chính - Kế toán.
Từ 02/1975 - 6/1987: Thượng úy Tiểu đoàn căn cứ Tân Sơn Nhất.
Từ 6/1987 - 10/2004: Trưởng phòng Kế toán Tài vụ, Phó Giám đốc Bảo Minh.
Từ 10/2004 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Bảo Minh.

Born in 1957 in Phu Tho Province.
Qualifications: Bachelor of Economy, University of Finance and Accounting.
From 02/1975 - 6/1987: Senior lieutenant of battalion at Tan Son Nhat Base.
From 6/1987 - 10/2004: Chief Accountant and Vice Director of Bao Minh.
From 10/2001: Vice CEO of Bao Minh.

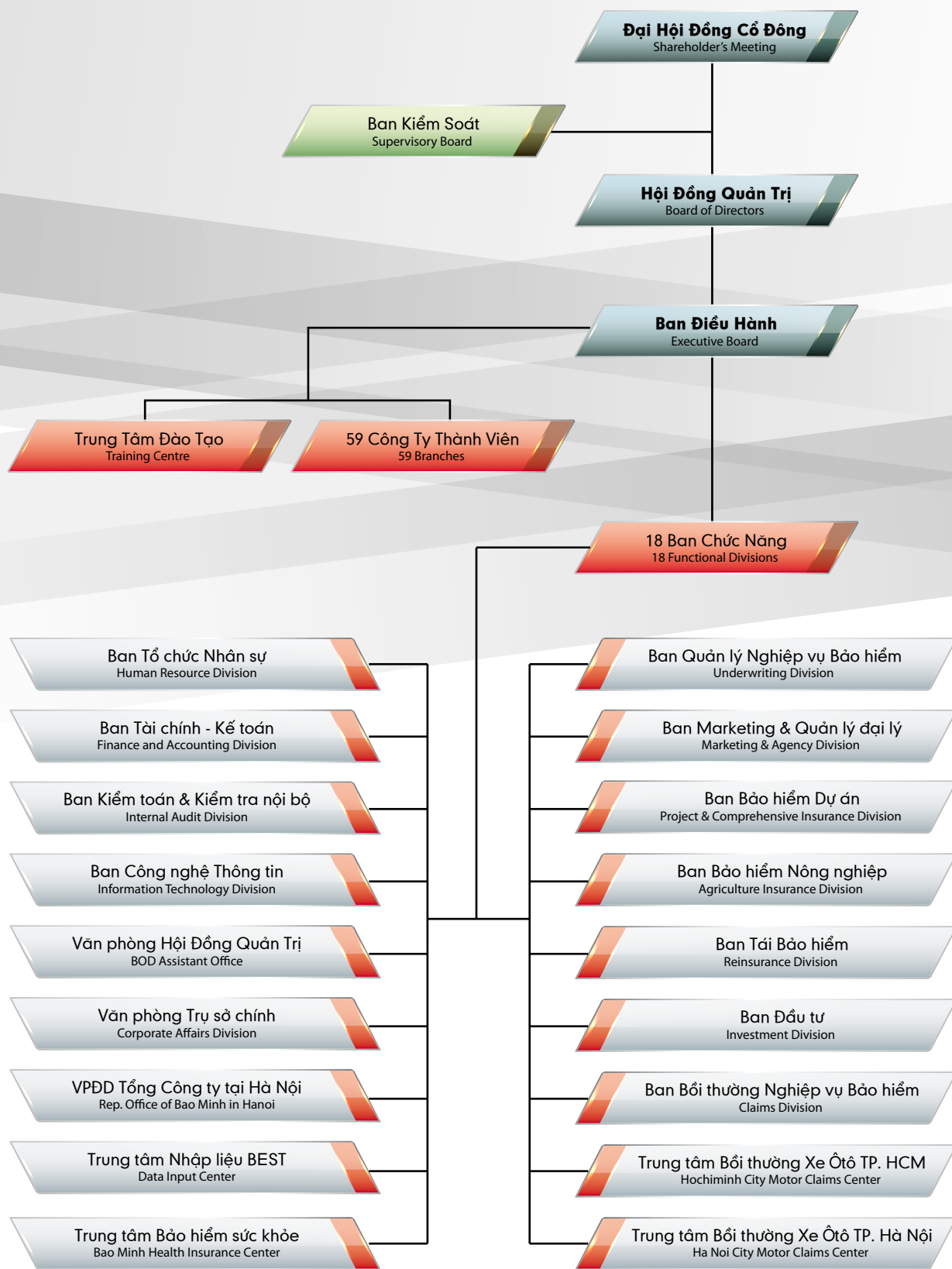


Mr. Nguyễn Sinh Tiến
Phó Tổng Giám đốc / Vice CEO

Sinh năm 1955 tại Nghệ An.
Trình độ: Kỹ sư Mỏ địa chất, chuyên ngành Địa chất công trình; Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế ngoại thương.
Từ 1973 - 1975: Bộ đội Lữ đoàn công binh 299 (Quân Đoàn 1).
Từ 1980 - 1992: Cán bộ Liên hiệp Thiết kế Xây dựng & PTNT (Bộ Nông nghiệp).
Từ 1992 - 7/1996: Cán bộ Bảo Minh Sài Gòn.
Từ 7/1996 - 10/2004: Phó Giám đốc Bảo Minh Sài Gòn.
Từ 10/2004 - 11/2009: Giám đốc Bảo Minh Sài Gòn.
Tháng 11/2009: Phó Tổng Giám đốc Bảo Minh.

Born in 1955 in Nghe An Province
Qualifications: Engineer, major in Geological Project; Bachelor of Economy, major in Foreign Trade.
From 1973 - 1975: Soldier of Engineer Brigade No. 299 (Army Corps No.1).
From 1980 - 1992: Officer of Construction design & Rural development (Ministry of Agriculture).
From 1992 - 7/1996: Officer of Bao Minh Sai Gon.
From 7/1996 - 10/2004: Vice Director of Bao Minh Sai Gon.
From 10/2004 - 11/2009: Director of Bao Minh Sai Gon.
In 11/2009: Vice CEO of Bao Minh.

Sơ Đồ Tổ Chức | Organization Chart





Tầm Nhìn | Vision

Luôn là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính và bảo hiểm

Always to be one of the leading non-life insurance corporations of Vietnam in the fields of insurance and financial services

Sứ Mệnh | Mission

Mang lại sự an toàn, ổn định của nền kinh tế - xã hội.
Góp phần thúc đẩy sự phát triển vững mạnh của thị trường bảo hiểm Việt Nam.
Mang lại lợi ích cho các cổ đông và góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân

Bringing the safety, the stable eco-society.
Contributing incessantly to the development of Vietnam's insurance market.
Profiting shareholders and resolving unemployment.

Tôn chỉ hoạt động:

Sự an toàn, hạnh phúc và thành đạt của khách hàng và xã hội là mục tiêu hoạt động của chúng tôi

Motto of Action:

Your safety, happiness and success are our targets.

Khẩu hiệu hoạt động:

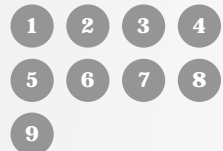
Bảo Minh – Tận tình phục vụ

Slogan of Action:

Bao Minh - Whole - hearted Service

Lãnh đạo Các Ban Văn Phòng Tổng Công Ty

General Managers of Functional Divisions Under The Head Office



1 Mr. Lê Văn Thành, Lawyer
TGD kiêm Trưởng VPĐD tại Hà Nội
CEO cum Chief Representative of Ha Noi Office

2 Mr. Nguyễn Thế Năng, MBA
Phó TGD TT kiêm Giám đốc Ban Đầu tư
Vice CEO cum General Manager of Investment Division

3 Mr. Phạm Xuân Phong
Phó TGD kiêm Giám Đốc Ban BH Nông nghiệp
Vice CEO cum General Manager of Agriculture Insurance Division

4 Mr. Nguyễn Phú Thủy
Kế Toán Trưởng
Chief Accountant

5 Mrs. Nguyễn Thị Loan
Giám đốc Ban Bồi thường
General Manager of Claims Division

6 Mrs. Trần Thị Thanh Hương, MBA
Chánh Văn phòng Trụ sở chính
General Manager of Corporate Affairs Division

7 Mrs. Lê Thị Thúy Mai
Giám đốc TT Bồi thường xe Ô tô TP.HCM
General Manager of Hochiminh City Motor Claims Center

8 Mrs. Nguyễn Thị Huỳnh Trúc
Giám đốc Trung tâm Nhập liệu BEST
General Manager of Data Input Center

9 Mr. Vũ Xuân Tường
Chánh Văn phòng Hội Đồng Quản trị
General Manager of BOD Assistant Office



- 10
- 11
- 12
- 13
- 14
- 15
- 16
- 17
- 18



10 Mr. Thân Trọng Nam, Ph.D
Giám Đốc Ban Tổ chức Nhân sự
General Manager of Human Resource Division

11 Mr. Nguyễn Văn Minh, MBA
Giám đốc Ban Quản lý Nghiệp vụ
General Manager of Underwriting Division

15 Mr. Đinh Hoàng Hà
Giám đốc Ban Marketing & Quản lý Đại lý
General Manager of Marketing Division

12 Mr. Trần Nam Thành
Giám đốc Ban Bảo hiểm Dự Án
General Manager of Project &
Comprehensive Insurance Division

16 Mr. Nguyễn Sỹ Hùng
Trưởng Ban Kiểm toán & Kiểm tra Nội bộ
General Manager of Internal Audit & Inspection Division

13 Mr. Nguyễn Thành Nam
Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm
General Manager of Reinsurance Division

17 Mr. Phạm Quốc Khánh
Giám đốc TT Bồi thường xe Ô tô TP. Hà Nội
General Manager of Hanoi City Motor Claims Center

14 Mr. Nguyễn Khả Nhân
Giám đốc Ban Công nghệ Thông tin
General Manager of Information Technology Division

18 Mr. Võ Duy Cường
Giám Đốc Trung tâm BH Sức khỏe Bảo Minh
General Manager of Bao Minh Health Insurance Center

Những Sự Kiện Nổi Bật | Highlights



Năm đầu tiên Bảo Minh thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2011-2015 đã mang lại những thành quả nhất định và đáp ứng nguyên tắc phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh.

The 1st year of implementing the business strategy for 2011-2015 period, Bao Minh has received many remarkable achievements and satisfied the principle of sustainable development in business operation.



Ban Bảo Hiểm Nông Nghiệp được thành lập nhằm chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Agriculture Insurance was established in order to specialize in business operation, satisfy in Party and Government's policy.



Thành lập Trung Tâm Bảo hiểm Sức Khỏe nhằm giúp Bảo Minh nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, đặc biệt thông qua các Nhà môi giới bảo hiểm.

Health Insurance Center was established to improve competitive capability in customer service, specially through agencies/ brokers.



Luôn ý thức CNTT là nền tảng để phát triển và là đòn bẩy giúp Bảo Minh nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ và chuyên nghiệp hóa trong quản trị điều hành doanh nghiệp.

Always to be aware that Information Technology is the foundation for business development and also a lever for enhancing competitive capability, improving quality of products and specializing in business administration.

Hoạt Động 2011 | Activities



Chị em phụ nữ chiếm 46,5% lao động tại Bảo Minh nhưng đã đóng góp hơn 50% vào thành công chung của toàn hệ thống vì thế luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt và tạo điều kiện tốt nhất của lãnh đạo trong công tác.

Women occupying only 46.5% workforce at Bao Minh, but contributed over 50% to business successes on Bao Minh insurance systems. So, they are always received special attention and given all the best conditions at work from the leaders.



Cùng cả thế giới chung tay giúp nhân dân Nhật Bản vượt qua thảm họa kép động đất và sóng thần ngày 11/03/2011.

Along the whole world, BM gives a hand to help Japanese from Tsunami and earthquake disaster on March 11th 2011.



Ủng hộ chương trình " Góp đá xây Trường Sa" nhân dịp Bảo Minh tổ chức " Ngày hội hiến máu nhân đạo - Lần thứ 3 năm 2011"

Supporting the programe " Stone Contribution for Shangsha" on the occasion of the 3rd Festival of Humanitarian Blood Donation of Bao minh.



Dâng hoa lên Bác vào mỗi dịp sinh nhật Người là nét văn hóa truyền thống và là hoạt động thường niên của Bảo Minh suốt 7 năm qua

Offering flowers to Beloved Uncle Ho on his birthday is traditional culture and annual activity of Bao Minh during the past 7 years.



Hưởng ứng "Năm vì trẻ em – Năm 2011", một "Đêm hội trăng rằm" được Bảo Minh lần đầu tiên tổ chức nhằm tạo sân chơi vui tươi, bổ ích cho con em CBNV, Đại lý đồng thời là dịp để tri ân khách hàng thân thiết.

Respond to " the year for Children- 2011", the 1st Mid – Autumn Night Party" was organized by Bao Minh to create an interesting playing-field for children of whole staffs and Agencies. This was also a chance for Bao Minh to appreciate customers' support.



Hội thao "Bảo Minh – Mùa sen nở" được định kỳ tổ chức vào mỗi dịp sinh nhật Bảo Minh nhằm tạo nên tình đoàn kết, mối giao lưu giữa CBNV và Đại lý Bảo Minh trên toàn quốc.

The Sport Assembly " Bao Minh – Blossoming Lotus Season" was periodically organized on the occasion of Bao Minh's birthday to create solidarity for Bao Minh's staffs and agencies on over the nation.

Chiến lược Kinh Doanh 2011 - 2015

The 2011 - 2015 Business Strategy

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC:

Bảo Minh luôn là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính và bảo hiểm.

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG:

Hiệu quả và phát triển bền vững.

CHỈ TIÊU:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng doanh thu phí bảo hiểm từ 14% - 15%/năm, đạt từ 4.100 tỷ đến 4.200 tỷ đồng vào năm 2015.
- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính tăng trưởng bình quân từ 12% - 15%/năm, đạt từ 450 tỷ đến 480 tỷ đồng vào năm 2015.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân khoảng 17% - 19%/năm, đạt từ 420 tỷ đến 430 tỷ đồng vào năm 2015.
- Giữ vững thị phần về doanh thu phí bảo hiểm gốc khoảng 12%.
- Năng suất lao động tăng khoảng 10% mỗi năm, phấn đấu đạt doanh thu phí bảo hiểm gốc trên mỗi CBNV năm 2015 là 1,8 tỉ đồng/người/năm.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC:

- Phát triển Bảo Minh là một doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, phát triển toàn diện, hiệu quả và bền vững trong lĩnh vực tài chính.
- Mạng lưới hoạt động phủ kín, sẵn sàng cung cấp các dịch vụ bảo hiểm tốt nhất cho mọi nhu cầu bảo hiểm của xã hội.
- Từng bước phát triển dịch vụ ra thị trường bảo hiểm nước ngoài, trước mắt là Lào và Campuchia.
- Lấy việc hợp tác với các khách hàng, cổ đông làm đòn bẩy để phát triển.
- Mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh thực hiện theo hướng: Chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa; Quản lý tập trung, hành động thống nhất; Chú trọng đến việc đầu tư và phát triển kinh doanh tại các địa bàn trọng tâm, trọng điểm.
- Ưu tiên đầu tư và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý; Coi công nghệ thông tin là đòn bẩy trong việc tổ chức, quản lý và điều hành doanh nghiệp cũng như đối với việc phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ con người Bảo Minh là những người có đức, có tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao đáp ứng làm việc trong môi trường kinh tế hội nhập.
- Xây dựng văn hóa riêng của Bảo Minh theo hướng: Nội bộ đoàn kết, trình độ chuyên nghiệp cao, tác phong làm việc hiện đại chính quy và phục vụ khách hàng chu đáo tận tình theo đúng các quy định thống nhất của Bảo Minh.



**STRATEGIC VISION:**

Always to be one of the leading non-life insurance company in Vietnam in operating in the field of financial services and insurance.

PRINCIPLE OF OPERATION:

Effective and sustainable development.

TARGETS:

- The average growth rate of total revenue premiums of 14% - 15% per year, reaching from VND 4,100 billion to VND 4,200 billion in 2015.
- Revenues from financial investments growth at an average rate of 12% - 15% per year, reaching between VND 450 billion to VND 480 billion in 2015.
- The growth rate of profit before tax of around 17% - 19% per year, reaching from VND 420 billion to VND 430 billion in 2015.
- To maintain the market share of premium revenue of about 12%.
- Labor productivity increased by about 10% each year, striving to achieve premium revenue per capital per year of VND 1,8 billion in 2015.

STRATEGIC OBJECTIVES:

- Develop Bao Minh as a leading company in the insurance market in Vietnam on the basis of comprehensive, effective and sustainable development.
- Develop an extensive network operation, ready to provide the best insurance service for all insurance needs of society.
- Step by step expand services to foreign insurance markets, first of Laos and Cambodia.
- Leverage on co-operation with our customers, shareholders for development.
- The organizational model of business activities comply with the direction of specialization and professionalization; Centralized management, unified action; emphasis on investment and business development in key areas.
- Give priority to investment, development and application of management software considering information technology as a lever in organizing, managing and operating businesses as well as for customer service.
- Building Bao Minh's personnel who are virtuous, devoted, highly qualified professionals and able to adapt to the integration working environment.
- Develop culture of Bao Minh in the direction of internal unity, high level of expertise, modern working style and attentive customer service dedicated in accordance with the prescribed regulation of Bao Minh.

Kết Quả Kinh Doanh Hợp Nhất 2011

Consolidated Business Result 2011

Năm 2011 là một năm tiếp tục còn nhiều khó khăn do nền kinh tế phục hồi chậm sau cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển chung của nền kinh tế nước ta và của ngành bảo hiểm Việt Nam nói riêng, trong đó có Bảo Minh. Với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBNV vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, tiếp tục đổi mới, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 đã đề ra: Tổng doanh thu đạt 2.692 tỷ đồng.

Trong đó:

| | |
|-------------------------------|--|
| Doanh thu phí bảo hiểm gốc | : 2.132 tỷ đồng, tăng trưởng 7,2% so với cùng kỳ |
| Doanh thu nhận tái bảo hiểm | : 227 tỷ đồng, tăng trưởng 31,9% so với cùng kỳ |
| Doanh thu hoạt động tài chính | : 333 tỷ đồng, tăng trưởng 35,4% so với cùng kỳ |

Lợi nhuận trước thuế : 176 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế : 148 tỷ đồng

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2011: 4.071 tỷ đồng, tăng 254 tỷ so với 2010.

Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đến 31/12/2011: 969,20 tỷ đồng.

Trong đó:

| | |
|---------------------------|------------------|
| Quỹ dự phòng phí | : 674,36 tỷ đồng |
| Quỹ dự phòng bồi thường | : 126,30 tỷ đồng |
| Quỹ dự phòng dao động lớn | : 168,54 tỷ đồng |

The year 2011 was a year of many continuous difficulties due to slow recovery of global recession, that had a huge impact to the development of Vietnam in general and insurance industry in particular, including Bao Minh. However, with the effort of BaoMinh team and thanks to the structure reorganization, we did our best to overcome harsh trials and accomplished the target set by the 2011 Annual Shareholders Meeting :

Total gross revenue reached VND 2,692 billion.

Including:

| | |
|--|---|
| Total direct insurance premium revenue | : VND 2,132 billion, up by 7.2% compared to the same period |
| Total inward reinsurance premium revenue | : VND 227 billion, up by 31.9% compared to the same period |
| Revenue from financial activities | : VND 333 billion, up by 35.4% compared to the same period |

Profit before tax: VND 176 billion

Profit after tax: VND 148 billion

Total assets as at 31st Dec, 2011: VND 4,071 billion, up 254 billion compared with the year 2010.

Total Technical Reserve Fund as at 31st Dec, 2011: VND 969.20 billion

Including:

| | |
|---------------------------|----------------------|
| Premium Reserve | : VND 674.36 billion |
| Claims Reserve | : VND 126.30 billion |
| Large Fluctuation Reserve | : VND 168.54 billion |

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT 2012

Consolidated Business Target For 2012



Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2011, Hội Đồng Quản Trị Bảo Minh đã tiến hành đánh giá những thuận lợi, khó khăn của thị trường; Đánh giá khả năng và tiềm năng của Bảo Minh, từ đó đề ra mục tiêu kinh doanh cho năm 2012 và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua với mục tiêu và chỉ tiêu như sau:

A. Mục tiêu:

“Hiệu quả và phát triển bền vững”

Tăng trưởng từ 13 – 14%

Không lỗ và có lãi về hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Hoạt động đầu tư an toàn, đạt hiệu quả cao nhất

B. Chỉ tiêu:

1. Tổng doanh thu phí bảo hiểm: 2.651 tỷ đồng tăng 13%, trong đó:
 - Doanh thu phí bảo hiểm gốc: 2.421 tỷ đồng tăng 13,7%
 - Doanh thu nhận tái bảo hiểm: 230 tỷ đồng tăng 4,3%
2. Doanh thu hoạt động tài chính: 296 tỷ đồng bằng 89% cùng kỳ.
3. Phần đầu giảm tỷ lệ bồi thường giữ lại trên doanh thu thực hưởng: xuống dưới 47%
4. Lợi nhuận trước thuế kế hoạch đạt: 193,2 tỷ đồng tăng trưởng 9,4% cùng kỳ.
5. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch đạt: 151,3 tỷ đồng tăng trưởng 7,4% cùng kỳ.

Based on the business results of 2011, Bao Minh's Board of Directors have assessed the advantages and difficulties of the market as well as the capabilities and potential of Bao Minh to set the business targets for year 2012 as follows:

A. Target

“Effective and sustainable development”

Growth from 13% to 14%

Not making loss; profit from premium insurance activities

Safety in investment activities and achieving highest effectiveness

B. Planned figures

1. Total gross revenue: VND 2.651 billion, up 13% , including:
 - Direct insurance premium revenue: VND 2.421 billion, up 13.7%
 - Inward reinsurance premium revenue: VND 230 billion, up 4.3%
2. Financial activity revenue: VND 296 billion equivalent to 89% the same period
3. Strive for reduction of loss ratio to below 47%
4. Profit before tax: VND193.2 billion, achieving a growth at 9.4% compared to the same period
5. Profit before tax: VND 151.3 billion, up to 7.4% compared to the same period.

Công Tác Quản Lý

Management Activities



1. Công Tác Điều Hành

Executive management

Thực hiện và chỉ đạo các công việc điều hành chung của toàn hệ thống Bảo Minh; chịu trách nhiệm về mặt pháp lý cũng như hoạt động kinh doanh của Bảo Minh. Hoạch định đường hướng phát triển cho toàn hệ thống nhằm đạt doanh thu theo đúng kế hoạch đề ra.

Executing general management activities for Bao Minh Insurance System. Also responsible for legal procedure as well as Bao Minh's business operation. Creating business strategy for Bao Minh Corporation in order to meet turnover as in business plan set.

2. Nhân Sự

Human Resources

Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên Bảo Minh là những con người có đức, có tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao nhằm phù hợp với môi trường kinh doanh năng động và hiện đại ngày nay.

Building Bao Minh's personnel who have enthusiasm, expertise, and ability to adapt the working environment of economic intergration.



3. Pháp Chế

Legal

Hỗ trợ các vấn đề về pháp lý trong hoạt động kinh doanh Bảo Hiểm nhằm bảo vệ quyền lợi và giúp hệ thống bảo hiểm Bảo Minh hoạt động một cách hợp pháp theo đúng luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Legal advice in insurance business is available, assisting units to protect Bao Minh's right and also assiting Bao Minh Insurance Systems legally in business operation according to the law of Socialist Republic of Viet Nam.



4. Công Tác Kế Toán & Kế Hoạch

Accounting & Planning

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ và các quy định về tài chính kế toán của hệ thống Bảo Minh. Giao kế hoạch và các định mức chi phí như: lương, chi phí quản lý... theo định hướng, mục tiêu hiệu quả kinh doanh. Xây dựng chính sách khuyến khích các nghiệp vụ có hiệu quả cao.

Reinforce checking and inspecting the implementation of Accounting and Financing policies and regulations of member companies. Setting targets, business efficiency oriented norm such as salary, management expenses. Promulgating policies to stimulate high profit products.



5. Marketing

Thực hiện tốt các chiến lược quảng bá hình ảnh, thương hiệu Bảo Minh đến công chúng thông qua nhiều kênh như quảng cáo, PR, chăm sóc khách hàng...Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, lập kế hoạch truyền thông và phát triển sản phẩm trên cơ sở đánh giá từng kênh thích hợp cho từng giai đoạn.

Well executing marketing strategy by building Bao Minh's brand through communication effects such as: Advertising, PR...Under the assessment of communication effects periodically, brand strategy and communication plan have been developed.



6. Kiểm Toán và Kiểm Tra Nội Bộ

Internal Audit & Inspection

Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ, giúp lãnh đạo Tổng Công ty kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những tồn tại, sai phạm trong hoạt động kinh doanh.

The task on inspecting and managing the compliance of laws, practice rules and procedures, internal regulation have been well done, enabling the Management team to discover, timely prevent and deal with the outstanding matters and mistakes in business activities.



7. Công Nghệ Thông Tin

Information Technology

Ưu tiên đầu tư và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý; coi công nghệ thông tin là đòn bẩy trong việc tổ chức, quản lý và điều hành doanh nghiệp cũng như đối với việc phục vụ và chăm sóc khách hàng.

Give priorities to investment development and application of management software, considering information technology as a lever in organizing, managing and operating businesses as well as for service and customer care.



Tái Bảo hiểm

Reinsurance

1.1. Về công tác nhượng tái bảo hiểm

Năm 2011 là năm khó khăn cho thị trường BH và TBH, kinh tế khó khăn và tổn thất lớn liên tục xảy ra. Các nhà BH/TBH bị thiệt hại rất nặng nề về tổn thất do thiên tai, nhiều nhà tái bị xuống hạng và xếp vào diện “theo dõi đặc biệt” bởi các tổ chức xếp hạng quốc tế.

Do tần suất và mức độ tổn thất do thiên tai ngày càng trầm trọng nên tái tục năm 2012 toàn thị trường TBH áp dụng giới hạn trách nhiệm trong một vụ cho tất cả các hợp đồng tỉ lệ, siết chặt điều kiện và giảm trách nhiệm hợp đồng TBH cho rủi ro loại 3, 4.

Tổng phí tái bảo hiểm năm 2011 là 704 tỷ chiếm khoảng 30% doanh thu.

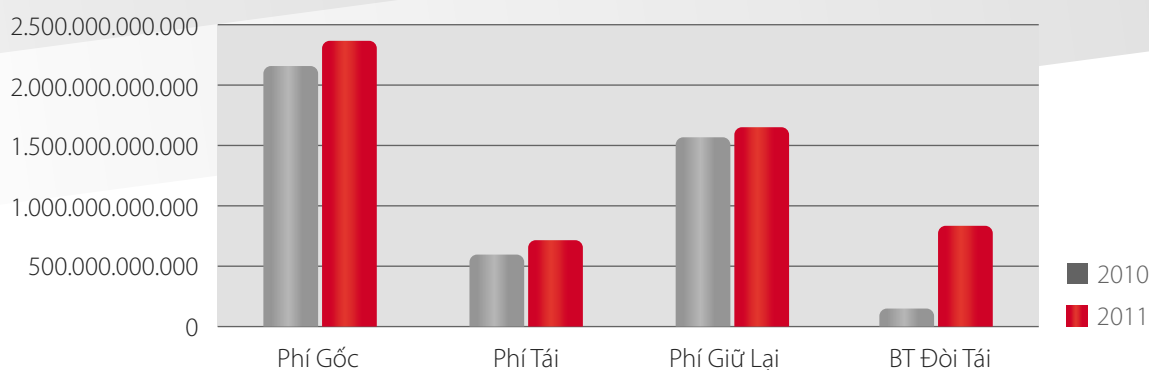
1.2. Công tác nhận tái bảo hiểm

Doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt 227 tỷ đồng, tăng 31,9% so với năm 2010, chiếm tỉ trọng 8,4% tổng doanh thu toàn Tổng công ty.

Đạt được mức tăng trưởng trên là do Tổng công ty chủ trương tăng cường năng lực nhận tái bảo hiểm, xem đây là kênh quan trọng để phát triển doanh thu. Bên cạnh đó Tổng công ty đã tăng cường quan hệ hợp tác với các công ty môi giới tái bảo hiểm, tái bảo hiểm trong và ngoài nước để phát triển và đa dạng hóa doanh thu nhận tái

So Sánh Nhượng Tái Bảo Hiểm 2010 - 2011

Comparison of Outward Reinsurance 2010 - 2011





1.1 Outward Reinsurance

Year 2011 was a difficult year for the Insurance and Reinsurance market, economic downturn and losses occurred continuously. The Insurers/ Reinsurers suffered heavy damaged losses due to natural disasters, many Reinsurers have been downrated and placed on Creditwatch by International Rating Organizations.

Due to the frequency and severity of nat cat losses, the reinsurance market from 2012 applied an Event Limit to all proportional treaties, tightened conditions and reduced capacity for category 3, 4.

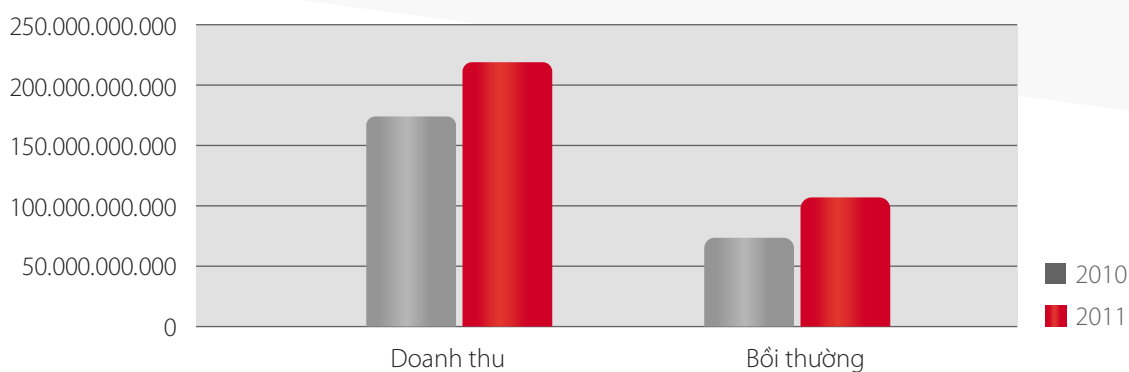
The total reinsurance premium in 2011 was 704 billion accounting for 30% of turnover.

1.2 Inward Reinsurance

Inward reinsurance income is VND 227 billion, achieving an increase of 31.9% as compared to 2010, accounting for 8.4% of the total premium income.

The result comes from the Baominh's policy in the intensification of inward reinsurance capacity, which is considered an important channel of turnover increasing. Besides, Baominh Corporation made more effort in extending their connections with insurance Broker and R/I Broker in both domestically and internationally in order to develop and diversify turnover of inward reinsurance.

So Sánh Nhận Tái Bảo Hiểm 2010 - 2011
Comparison of Inward Reinsurance 2010 - 2011



Kết Quả Hoạt Động Đầu Tư Tài Chính

Financial Investment Activities

Kết Quả Hoạt Động Năm 2011

Năm 2011, nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc tăng trưởng chậm chạp, Châu Âu vẫn chìm trong khủng hoảng nợ, gần như rơi vào suy thoái. Toàn bộ 17 nước khu vực đồng tiền chung Eurozone lần lượt đều bị các tổ chức xếp hạng tín dụng hàng đầu thế giới cảnh báo hạ bậc tín dụng. Nhật chưa hoàn toàn hồi phục sau thảm họa động đất sóng thần đầu năm. Tình hình kinh tế trong nước cũng diễn ra trong bối cảnh khó khăn và thách thức, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 tăng chậm chỉ đạt 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng tỉ lệ lạm phát năm 2011 vẫn tăng lên 18,58%, Ngân hàng nhà nước tiếp tục siết chặt quản lý thị trường ngoại hối, và trên thị trường tiền tệ thì thắt chặt tăng trưởng tín dụng, áp dụng trần lãi suất huy động.

Về thị trường chứng khoán, trong phiên giao dịch ngày 31/12/2011, VN-Index chốt tại 351,55 điểm, mất 133,11 điểm, tương đương giảm 27,46% so với cuối năm 2010 (484,66 điểm). HNX-Index chốt ở mức 58,74 điểm, mất 55,50 điểm, tương đương giảm 48,58% (114,24 điểm).

Ảnh hưởng từ những khó khăn biến động của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, kết quả đầu tư năm 2011 của Bảo Minh không đạt được như mong đợi. Danh mục đầu tư tiền gửi ngân hàng và trái phiếu ổn định được mức lợi nhuận như kỳ vọng do diễn biến tăng lãi suất trong năm 2011. Điều này đã giúp Bảo Minh có được cơ hội thu lãi đầu tư tiền gửi và trái tức với lãi suất khá cao. Bên cạnh đó, danh mục đầu tư góp vốn, ủy thác cũng đạt được kết quả tốt. Riêng khoản đầu tư cổ phiếu không đạt được mức kế hoạch đề ra.

Results Of Financial Investment Activites 2011:

In 2011, the US and China have a sluggish growth; Europe is still sinking in debt and recession. In turn, 17 countries in Euro zone were warned in lower credit rank by leading credit rating organizations. Japan has not yet recovered after the tsunami earthquake. The domestic economic situation is also put in such a difficult and challenging context. Gross domestic product (GDP) of 2011 increased only 5.6 % lower than 2010, the inflation rate in 2011 has reached 18.58%. The State Bank continues applying the tighten foreign exchange market management policy, the tighten credit growth policy, the ceiling interest rates policy in currency market.

On the stock market, the trading session on 31/12/2011, VN-Index closed at 351.55 points, losing 133.11 points or 27.46% compared to the end of 2010 (484.66 points). HASTC-Index closed at 58.74 points, losing 55.50 points, or 48.58% (114.24 points).

Affected from the difficulties, the investment results of Bao Minh in 2011 has not achieved as expected. Portfolio of bank deposits and bonds has met the expected profitability due to the increase of interest rates in 2011. In addition, Joint Stock and Joint-Venture investments and Trust investment also achieved good results. Only the Stock portfolio has not met the expectation.

Kết quả hoạt động tài chính năm 2011

Results Of Financial Investment Activites 2011

Số dư đầu tư cuối năm 2011
Balance at the end of 2011

2.009

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu hoạt động tài chính
Income From Fincancial Activities

333

tỷ đồng/ Billion VND

đạt 105,3% kế hoạch và
bằng 135,4% cùng kỳ năm trước.

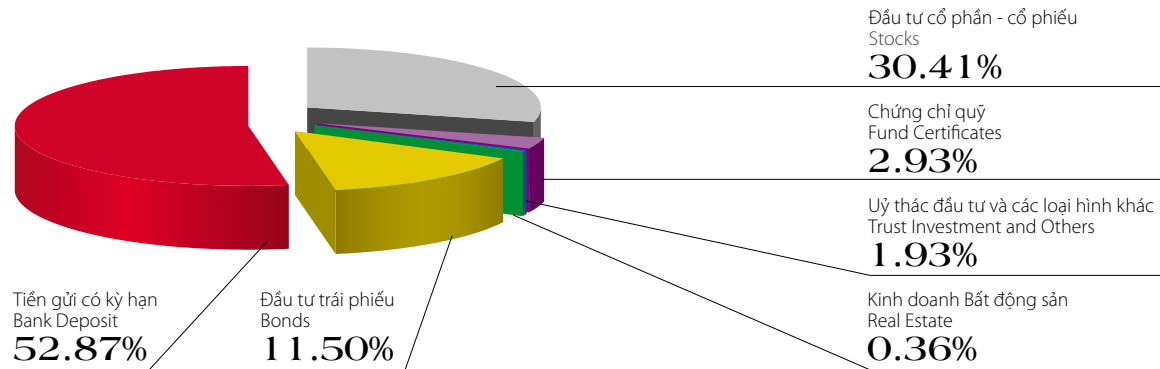
achieving 105.3% target equivalent to
135.4% compared to the same period.

Lợi nhuận hoạt động tài chính
Profit from financial activities

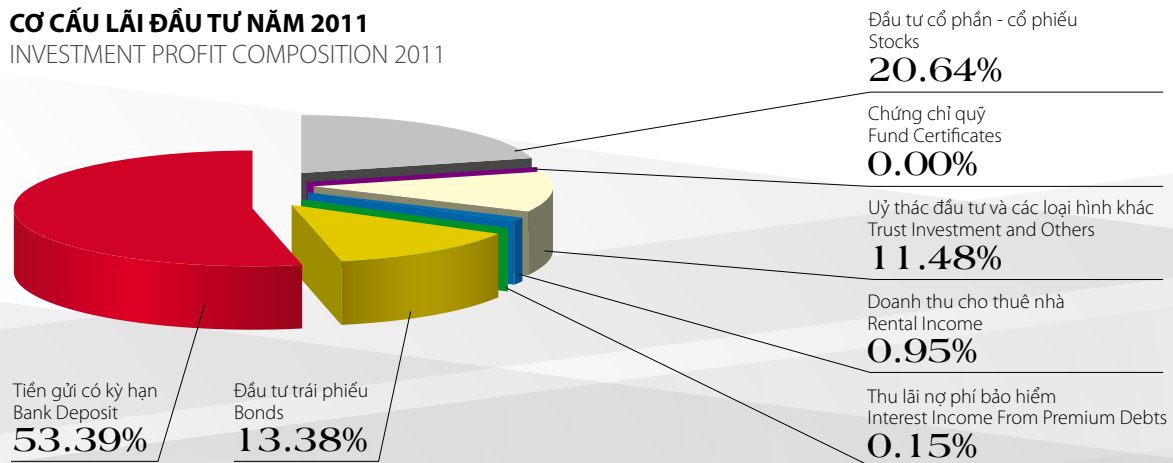
126

tỷ đồng/ Billion VND

CƠ CẤU VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2011
INVESTMENT CAPITAL STRUCTURE 2011



CƠ CẤU LÃI ĐẦU TƯ NĂM 2011
INVESTMENT PROFIT COMPOSITION 2011



Phương Hướng Hoạt Động Năm 2012:

Phần đầu đạt mục tiêu doanh thu hoạt động tài chính năm 2012 là: 296 tỷ, bằng 89% cùng kỳ, bằng các biện pháp:

- Tiếp tục chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư của Bảo Minh.
- Tiếp tục quản lý tốt nguồn tiền nhàn rỗi của Tổng Công ty
- Tăng tỷ trọng đầu tư tiền gửi trong danh mục đầu tư
- Theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động của các ngân hàng, các tổ chức tài chính nhận tiền gửi của Bảo Minh để có những điều chỉnh kịp thời.
- Quản lý tốt số vốn góp của Tổng Công ty vào các doanh nghiệp khác.
- Nâng cao hiệu quả cho thuê các diện tích trụ sở chưa sử dụng.

Planning For 2012:

Striving to achieve Financial Income in 2012: \$296 billion equivalent to 89% compared to the same period with the following measures:

- Continue to professionalize investment activities of Bao Minh
- Continue to effectively manage idle cash.
- Increase the proportion of bank deposits in investment portfolio
- Carefully examine the operations of banks, financial institutions to have adjustments in time.
- Good manage of the capital contributions of the Bao Minh to other companies.
- Improve efficiency of available rental office area.

BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ

INTERNATIONAL TOURISM INSURANCE

Hỗ trợ chi phí y tế phát sinh ngoài lãnh thổ nước xuất hành gồm:

- Điều trị nội, ngoại trú như chi phí khám bệnh, thuốc, phẫu thuật, xe cứu thương

Hỗ trợ du lịch và hỗ trợ y tế khẩn cấp

• Thông tin chuyến đi và những vấn đề liên quan đến dịch thuật, đại sứ quán, người cung cấp dịch vụ y tế

- Vận chuyển khẩn cấp, hồi hương, chi phí cho thân nhân đi thăm

Bảo hiểm tai nạn cá nhân, thiệt hại tư trang, mất giấy tờ thông hành, trì hoãn hay hủy chuyến bay

Supporting medical expenses occurred beyond the departure nation

- Outpatient treatment & resident treatment including: examination, medicine, operation expenses, ambulance.

Travel & medical aid support:

- Flight detail information, problems concerning translation, consulate, medical service providers
- Urgent transportation and repatriated service, expenses for family/ relative visiting patient

Insuring personal accident for a safe trip like property damages, flight delay or flight cancellation, passport loss etc



Các Nghiệp Vụ Bảo Hiểm

Direct Insurance

- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Hàng Hóa Vận Chuyển**
Marine Cargo Insurance
- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Tàu Thủy**
Hull and P&I insurance
- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Tài Sản**
Property Insurance
- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Kỹ Thuật**
Engineering Insurance
- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Trách Nhiệm**
Liability Insurance
- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Xe Cơ Giới**
Vehicle Insurance
- **Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Con Người**
Health & Accident Insurance
- **Bảo Hiểm Nông Nghiệp**
Agriculture Insurance

Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Hàng Hóa Vận Chuyển

Marine Cargo Insurance



126

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

Năm 2011, doanh thu nghiệp vụ hàng hóa đạt 126 tỷ đồng chiếm 6,07% tổng doanh thu phí bảo hiểm của toàn Tổng Công ty, đạt 112% kế hoạch đề ra, tăng trưởng 23,5% so với năm 2010. Tổng số tiền bồi thường là 42 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 33% so với doanh thu. Tuy tình hình kinh tế thế giới đang dần hồi phục, nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhưng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải đương đầu với nhiều thách thức do lạm phát trong nước tăng cao và việc tiếp cận với các nguồn vốn vay qua ngân hàng rất khó khăn nên việc tăng doanh thu bảo hiểm là sự cố gắng rất lớn. Ngoài ra, để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Bảo Minh cũng đã nhận bảo hiểm một số mặt hàng xá, hàng xăng dầu...và thận trọng trong việc để phòng hạn chế tổn thất.

In 2011, the written premium of Marine Cargo Insurance reached VND 126 billions, occupying 6.07% of the Gross Premium Income of Bao Minh, achieving 112% target, increased by 23.5% in comparison with 2010. Total claim payment was VND 42 billion occupying 33% compared to income.

Although the global economy has been being recovered progressively, a lot of foreign and local enterprises already motivated the trading activities but most of Vietnamese ones are coping with many challenges of inflation in the world and difficulties of the loans from banks so that this increase expressed the best effort of Bao Minh. Besides, Bao Minh already expanded to cover for bulk cargoes; petrol and oil cargoes... with careful risk management.

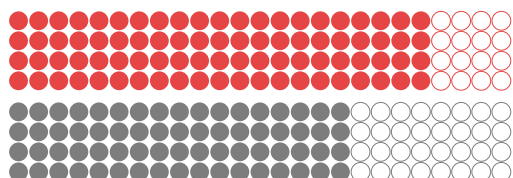
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển

Premium Income & Claim Payment of Marine Cargo Insurance

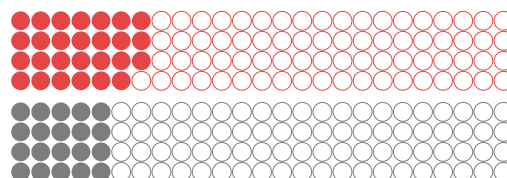
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment



Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Tàu Thủy

Hull and P&I insurance



201

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

Năm 2011, doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm tàu thủy của Bảo Minh đạt 201 tỷ đồng chiếm 9,65% doanh thu toàn Tổng Công ty, bằng 79,6% so với năm 2010. Tổng số tiền bồi thường lên tới 387 tỷ đồng bằng 193% của doanh thu.

Năm 2011 là năm có nhiều khó khăn đối với các chủ tàu trong việc kinh doanh, đặc biệt cước phí và giá tàu giảm mạnh buộc các chủ tàu phải bán bớt tàu và thu hẹp phạm vi kinh doanh dẫn đến doanh thu của các loại hình bảo hiểm thân tàu biển và trách nhiệm dân sự chủ tàu biển (P&I) giảm đáng kể.

In 2011, the written premium of Hull & P&I Insurance reached VND 201 billion, occupying 9.65% of the Bao Minh total turnover, but drop down to 79.6% with those of 2010. Total claim amounts reached VND 387 billion occupying 193% turnover.

Most of shipowners are facing with many challenges in 2011, especially in the sea freight and strong decrease of the ships' price that forced to the sales out of ships and restriction of business, those lead to the considerable decrease in premium income of Hull and P&I insurance.

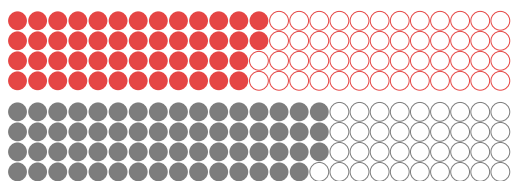
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm Tàu Thủy

Premium Income & Claim Payment of Hull and P&I Insurance

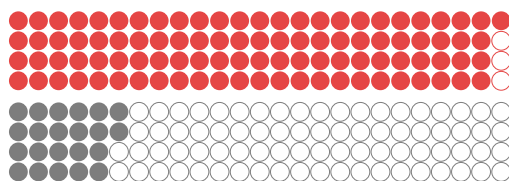
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment



Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Tài Sản

Property Insurance



338

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

Năm 2011, Bảo Minh đạt doanh thu trên 338 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2010, đạt 130% kế hoạch. Tổng số tiền bồi thường lên tới 463 tỷ đồng chiếm 137% doanh thu bảo hiểm tài sản và đạt 130% kế hoạch đề ra. Nhìn chung, toàn thị trường đã quản lý rủi ro tốt hơn đối với các đối tượng thuộc nhóm rủi ro xấu. Tuy nhiên, cạnh tranh vẫn tiếp diễn khốc liệt hơn đối với các rủi ro loại tốt.

Năm 2011 là năm Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của hỏa hoạn, tổn thất chủ yếu xảy ra ở các đối tượng thuộc các ngành may mặc, dệt, gỗ, nhựa... Điển hình là vụ cháy lớn của nhà máy dệt Hualon làm dự phòng bồi thường đã tăng cao đáng kể.

In 2011, the written premium of Bao Minh reached nearly VND 338 billion and increased by 10.2%, obtaining 130% target. Total payout for this product line was up to VND 463 billion occupying 137% of property insurance income and achieving 130% of target set.

In general, the insured objects of bad risk exposure are already well controlled. However, competition in the insured objects of good risk exposure continues to escalate.

There are many fire events happened in Vietnam for the year of 2011, those happened almost in the industries of textile, garment, wood, plastic... The major fire loss of Hualon already made the claim reserve of Bao Minh increased significantly.

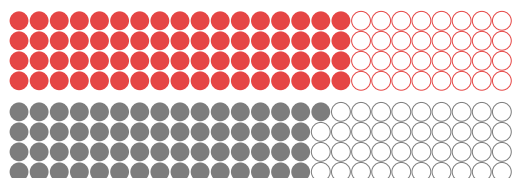
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm Tài sản

Premium Income & Claim Payment of Property Insurance

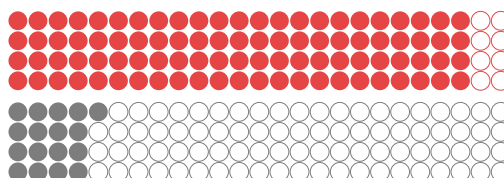
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment



Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Kỹ Thuật

Engineering Insurance



189

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

2011 là năm Chính phủ có chủ trương cắt giảm đầu tư công, nhiều công trình không triển khai được do thiếu vốn. Doanh thu bảo hiểm kỹ thuật của Bảo Minh đã giảm đáng kể còn 189 tỷ VNĐ, bằng 87,9% so với cùng kỳ năm 2010, hoàn thành 72% kế hoạch. Năm 2011 cũng là năm thế giới tiếp tục chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, nhưng Việt nam chưa chịu ảnh hưởng lớn, tỷ lệ bồi thường của Bảo Minh 83 tỷ đồng chiếm 44,17% doanh thu bảo hiểm kỹ thuật.

2011, the Government has the policy of cutting down the public investment, so that many projects can not be deployed due to the lack of capital. Total premium income of engineering insurance for Bao Minh decreased to VND 189 billion, occupied approximate 87,9% with those of 2010, achieving 72% target. Though natural hazards are still rampant in the World in 2011, but still not yet impacted much to Vietnam, hence successfully constraining the loss ratio at 44.17% of income with the total claim payment of VND 83 billion.

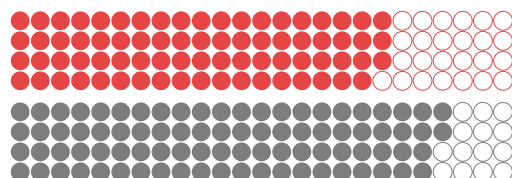
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm Kỹ thuật

Premium Income & Claim Payment of Engineering Insurance

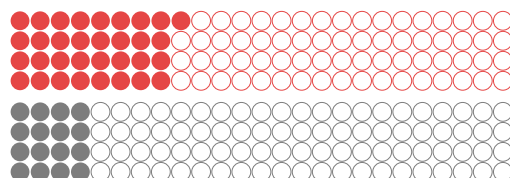
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment



Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Trách Nhiệm

Liability Insurance



47

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

Bảo hiểm trách nhiệm đạt trên 47 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch, tăng trưởng 12,2% so với năm 2010. Tổng số tiền bồi thường là 3 tỷ đồng chiếm 6,83% doanh thu.

Bảo Minh vẫn không ngừng phát triển các nghiệp vụ bảo hiểm mới cho nhóm nghiệp vụ này và được khách hàng ngày càng quan tâm nhiều hơn.

Liability products earned over VND 47 billion in written premium, obtaining 123% target, increased by 12.2% that of 2010. Total claim payment was VND 3 billion with the loss ratio of 6.83%.

Bao Minh still develops continuously new products for this line and they have been being interested more by the clients.

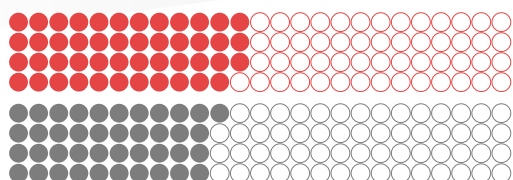
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm Trách nhiệm

Premium Income & Claim Payment of Liability Insurance

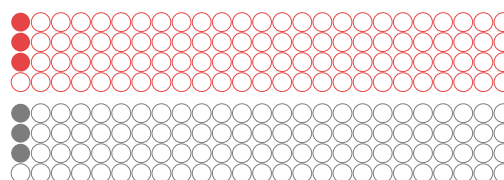
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment



Nghiệp Vụ Bảo Hiểm Xe Cơ Giới

Vehicle Insurance



560

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

Doanh thu các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới năm 2011 là 560 tỷ đồng đạt 91% so với kế hoạch năm, chiếm gần 26,94% doanh thu toàn Bảo Minh và tăng 3,8% so với năm 2010. Trong đó, doanh thu bảo hiểm thiệt hại vật chất xe đạt 335 tỷ đồng, bảo hiểm TNDS xe ô tô 141 tỷ đồng, bảo hiểm xe mô tô đạt 83,3 tỷ đồng.

Về bồi thường, tổng số tiền bồi thường là 340 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 60,74% tăng 5,9% so với 2010.

Trong năm 2011, Bảo Minh thực hiện triển khai chương trình BM eMotor để đơn vị và các kênh phân phối khác cấp đơn bảo hiểm.

Bên cạnh đó, Bảo Minh đã duy trì chính sách khuyến khích khai thác bảo hiểm đối với loại hình xe mô tô.

Để phục vụ khách hàng tốt hơn, Bảo Minh đã đưa vào hoạt động Trung tâm bồi thường tại thành phố Hà Nội.

In 2011, the premium income of Motor vehicle insurance line reached VND 560 billion, as 91% of the planned target, occupied nearly 26.94% total premium of Bao Minh and increased by 3.8% in comparison with 2010. In which, the premium income of physical damage insurance was at VND 335 billion, owner's liability at VND 141 billion and motor at VND 83.3 billion. For the loss ratio, it was at 60.74% with the amount of VND 340 billion, increased by 5.9% in comparison with the year 2010.

In 2011, Bao Minh has been applying the program BM eMotor to issue the motor policy through agent, direct sale and other distribution channel.

Besides, the policy to motivate the sale of motor insurance has been remained for this product line.

To improve the service for the clients, Bao Minh has been running the operation of Claim center in Ha Noi.

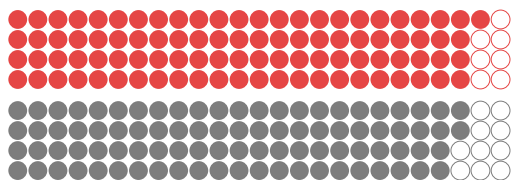
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm Xe cơ giới

Premium Income & Claim Payment of Vehicle Insurance

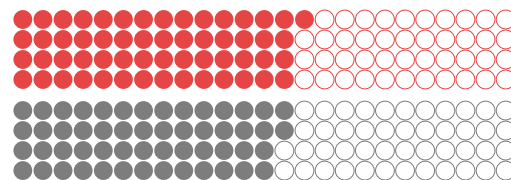
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment



Nghệp Vụ Bảo Hiểm Con Người

Health & Accident Insurance



619

tỷ đồng/ Billion VND

Doanh thu
Premium Income

Doanh thu đạt 619 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 29,76% của doanh thu, hoàn thành 130% kế hoạch, đạt mức tăng trưởng 40,1% so với cùng kỳ. Bảo hiểm tai nạn nhóm và sức khỏe nhóm phân phối thông qua các công ty môi giới bảo hiểm không tăng trưởng, đạt mức doanh thu 183 tỷ VNĐ.

Chiến lược tập trung vào bảo hiểm du lịch đã mang lại kết quả, doanh số bảo hiểm du lịch năm 2011 đạt 13 tỷ đồng, tăng trưởng gấp 2 lần so với 2010. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh của bảo hiểm du lịch cũng rất tốt. Do đó, trong năm 2012, Bảo Minh tiếp tục tập trung phát triển loại hình bảo hiểm này.

Tổng số tiền bồi thường là 263 tỷ đồng, tỷ lệ 42,55 % doanh thu. Đây là kết quả của các chính sách thay đổi về sản phẩm bảo hiểm, quy trình nghiệp vụ, bồi thường, chính sách bảo lãnh viện phí theo hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh đối với bảo hiểm sức khỏe nhóm và tai nạn nhóm.

Trong năm 2012, Bảo Minh sẽ đưa vào sử dụng chương trình BMcare để thực hiện việc cấp đơn bảo hiểm đối với nhóm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và chi phí y tế nhằm kiểm soát rủi ro và thực hiện bồi thường tốt hơn.

Premium income reached VND 619 billion, occupying 29.76% income, achieved 130% of the plan with the growth rate of 40.1% compared to year 2010. Group personal accident and health insurance distributed by brokers went flatly, achieved VND 183 billions.

Strategy of concentration to Travel insurance had yielded good premium income which achieved VND 13 billion in 2011, 2 times increased to those of 2010. Besides, this product's business result was desirable, therefore, in 2012, Bao Minh continue to develop this product line.

Total claim amounted to VND 263 billion, making loss ratio of 42.55%. This is the outcome of some change policy in product, underwriting, claim procedure, direct billing service, in terms of group accident and health insurance, which aimed at the business result enhancement.

In 2012, Bao Minh will apply BMcare software to issue health and medical insurance policy for controlling the risk and handling the claim in good order.

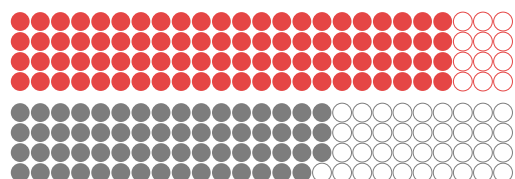
Doanh thu & Bồi thường Nghiệp vụ Bảo hiểm con người

Premium Income & Claim Payment of Health & Accident Insurance

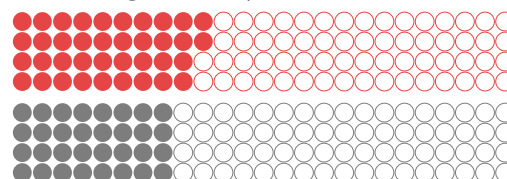
■ 2011

■ 2010

Doanh Thu/ Premium Income



Bồi Thường/ Claim Payment





Bảo Hiểm Nông Nghiệp Agriculture Insurance

Vinh dự là doanh nghiệp được phép triển khai thí điểm Bảo Hiểm Nông Nghiệp (BHNN) theo Quyết định 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã huy động tối đa nguồn lực nhằm đưa chính sách tam nông của Chính phủ nhanh chóng đến với từng người dân. Năm 2011 là năm hoạt động không mệt mỏi của cán bộ, chuyên viên BHNN của Bảo Minh trên toàn hệ thống. Qua đó, đã thiết kế thành công quy tắc, biểu phí bảo hiểm, đào tạo trên 300 đại lý BHNN, tuyên truyền, tổ chức gần 100 hội thảo về BHNN xuống tới địa bàn thôn, xóm nhằm hướng dẫn cho bà con nông dân tiếp cận và hiểu thêm về chính sách của chương trình, In ấn poster BHNN, thiết kế và phát tờ rơi rộng khắp trên các địa bàn triển khai BHNN... Năm 2012, BHNN của Bảo Minh sẽ tiếp tục với những bước đi vững chắc dưới sự chỉ đạo của Ban Điều Hành nhằm thực hiện thành công bảo hiểm lúa cho bà con nông dân tại An Giang, Nam Định và Hà Tĩnh, bảo hiểm vật nuôi tại Hải Phòng, Thanh Hóa, Bình Định và Bình Dương, bảo hiểm Tôm/cá tại Bến Tre, Trà Vinh và Cà Mau.

Song song với chương trình 315, Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh Nông nghiệp theo chỉ số hạn hán cho người trồng cà phê tại Đaklak (bảo hiểm cà phê Đaklak) cũng được Bảo Minh đặc biệt chú trọng. Bảo hiểm cà phê Đaklak đã chính thức đến với người dân từ đầu năm 2011 và nhanh chóng tạo được niềm tin đối với người trồng cà phê trên địa bàn tỉnh Đaklak: 22 hợp đồng bảo hiểm được ký kết, doanh thu phí bảo hiểm 40.300.000 đồng, Bảo Minh đã nhanh chóng tiến hành bồi thường cho 17 hợp đồng thuộc trách nhiệm bảo hiểm với tổng số số tiền bồi thường là 157.200.000 đồng. Năm 2012, Bảo Minh sẽ tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh sản phẩm này trên địa bàn tỉnh Đaklak, thời gian bán hàng từ 15/11/2011 đến 07/03/2012, áp dụng cho thời hạn bảo hiểm từ 19h00 ngày 31/03/2012 đến 19h00 ngày 11/05/2012.

Honor to be one of insurers to deploy pilot programme of Agricultural Insurance (A.I.) according to The Decision 315/QĐ-TTg of Prime Minister, Bao Minh Insurance Corporation mobilized maximum workforce to bring the three-farm policies to all farmers. Year 2011 was the year of efforts of all Bao Minh's staffs on over the system. To finalize the insurance terms and conditions, premium tables; More than 300 Bao Minh's A.I agents perfectly trained; thousands of posters, pamphlet, broadcast on television, about 100 seminars were organized to introduce a.i to help farmers understand a.i clearly. In 2012, under the instruction of Bao Minh's BOD, A.I will keep moving on its direction to completely deploy "Rice index insurance" at Nam Dinh, Ha Tinh and An Giang, "Live-stock insurance" at Hai Phong, Thanh Hoa, Binh Dinh and Binh Duong, "Shrimp/fish insurance" at Ben Tre, Tra Vinh and Ca Mau.

Parallel to 315 decision, Bao Minh also pays highly attention to droughty index for agricultural business interruption insurance towards coffee growers in Daklak (coffee insurance in Daklak). Coffee insurance was completely deployed to Coffee growers in early 2011 and made instantly trust from Coffee growers in Daklak: 22 insurance contracts signed achieving VND 40.300.000 million, 17 liabilities insurance contracts promptly compensated with total amount of VND 157.200.000 million. In 2012, Bao Minh will focus more on developing this product to coffee growers. Sale season was on Nov 15th 2011 to Mar 7th 2012 and will be closed on 24:00 Mar 7th 2012. This insurance period was applied from 19:00 March 31st 2012 to 19:00 May 10th, 2012.

206

triệu đồng/ Million VND

Doanh thu
Premium Income

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM BÁC SỸ

MEDICAL RESPONSIBILITY INSURANCE

Sản phẩm này được thiết kế nhằm bảo hiểm cho những tai biến trong khám chữa bệnh, sai sót chuyên môn kỹ thuật, sơ suất bất cẩn của người chữa bệnh gây ra.

Trường hợp người được bảo hiểm do nhầm lẫn, thiếu sót, sơ suất trong quá trình hành nghề mà gây ra những tổn thất về thương tật, thân thể hoặc tử vong thì Bảo Minh sẽ chi trả các chi phí liên quan đến việc người được bảo hiểm phải bồi thường cho bệnh nhân.

Ngoài ra, Bảo Minh cũng chi trả các chi phí pháp lý hợp lý phát sinh trong trường hợp người được bảo hiểm bị khiếu nại như chi phí thuê luật sư, án phí.

This product was designed to insure the responsibility of doctors in medical mistakes, carelessness in medical operation, accident in medical examination.

In case the insured make a mistake or carelessness at work occurring damages, injury or death etc, on behalf of insured Bao Minh will pay all necessary expenses for patient.

Besides that, Bao Minh also pays all legal expenses when the insured was appealed such as legal costs, lawyer hiring costs.





Báo Cáo Kiểm Toán
Auditor's Report

Báo Cáo Tài Chính Riêng
Financial Statements

Báo Cáo Kiểm Toán

Auditors' Report

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 25. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Như đã nêu tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Bộ Tài chính đã có Công văn số 6845 ngày 26 tháng 5 năm 2011 quyết định về việc thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm nhân thọ Bảo Minh - CMG, một công ty liên doanh vào năm 2007 với tổng số tiền là 210.349.800.000 đồng (tương đương 10.236.000 Đô la Mỹ). Tuy nhiên, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn xử lý cụ thể từ Bộ Tài chính nên số tiền này vẫn đang tiếp tục được theo dõi trên khoản mục các khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm.



LÊ ĐÌNH TỰ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

HUỲNH VŨ ĐẠI TRỌNG
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV



To: The shareholders

**The Board of Management, General Directors and Supervisors
Bao Minh Insurance Corporation**

We have audited the accompanying balance sheet of Bao Minh Insurance Corporation ("the Corporation") as at 31 December 2011, the related statements of income and cash flows for the year then ended, and the notes thereto (collectively referred to as "the financial statements") which were prepared on 29 March 2012, as set out from page 4 to page 25. The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Respective Responsibilities of the Board of General Directors and Auditors

As stated in the Statement of the Board of General Directors on page 1 and 2, these financial statements are the responsibility of the Corporation's Board of General Directors. Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit.

Basis of Opinion

We have conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the financial statements are free of material misstatements. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by the management, as well as evaluating the overall financial statement presentation. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Opinion

As stated in Note 9 to the notes of financial statements, the Ministry of Finance has issued Official Letter No. 6845 dated 26 May 2011 about returning the investment capital and gain from disposal of investments into Bao Minh - CMG Life Insurance Company, a joint venture, in 2007 with the amount of VND 210,349,800,000 (equals USD 10,236,000). However, the Corporation is waiting for the detail guidance from the Ministry of Finance; as a result, this amount was still recorded in account Other receivables on the balance sheet as at 31 December 2011.

In our opinion, except for effects of the matter referred to in the paragraph above, the accompanying financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of the Corporation as at 31 December 2011 and the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System and prevailing relevant regulations in Vietnam applied for insurance enterprises.



LE DINH TU
Vice CEO

CPA Certificate No. 0488/KTV

For and on behalf of

DELOITTE VIETNAM COMPANY LIMITED

HUYNH VU DAI TRONG
Auditor

CPA Certificate No.1204/KTV

Bảng Cân Đối Kế Toán (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Balance Sheet (As at December 31st 2011)

| TÀI SẢN | MS | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 2.295.538.371.564 | 2.085.950.482.757 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 258.530.906.001 | 161.169.416.926 |
| 1. Tiền | 111 | 169.330.906.001 | 116.969.416.926 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 89.200.000.000 | 44.200.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 961.957.623.838 | 1.022.132.787.970 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 1.089.368.413.451 | 1.022.300.847.130 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | (127.410.789.613) | (168.059.160) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 1.062.269.028.038 | 889.099.613.498 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 750.805.359.551 | 512.436.575.671 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 2.513.438.442 | 71.469.340.658 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 346.571.974.894 | 332.490.743.802 |
| 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | (37.621.744.849) | (27.297.046.633) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 3.514.137.420 | 4.155.845.788 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 3.514.137.420 | 4.155.845.788 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 9.266.676.267 | 9.392.818.575 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 1.309.716.403 | 1.052.839.181 |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 7.956.959.864 | 8.339.979.394 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 1.567.825.542.604 | 1.554.649.177.411 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 31.189.032.887 | 23.352.270.045 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 218 | 31.189.032.887 | 23.352.270.045 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 454.357.013.718 | 430.011.591.119 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 97.274.997.397 | 93.853.906.838 |
| - Nguyên giá | 222 | 200.641.424.494 | 185.123.715.497 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (103.366.427.097) | (91.269.808.659) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 308.110.122.764 | 289.417.701.599 |
| - Nguyên giá | 228 | 335.232.886.205 | 308.347.990.197 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (27.122.763.441) | (18.930.288.598) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 48.971.893.557 | 46.739.982.682 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 7.655.042.500 | 7.655.042.500 |
| - Nguyên giá | 241 | 7.655.042.500 | 7.655.042.500 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 950.624.362.303 | 1.039.337.505.205 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 210.058.000.000 | 210.248.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh | 252 | 152.781.309.450 | 152.781.309.450 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 593.653.219.519 | 703.813.646.913 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | (5.868.166.666) | (27.505.451.158) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | 124.000.091.196 | 54.292.768.542 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 112.594.653.915 | 45.106.240.651 |
| 2. Ký quỹ bắt buộc | 263 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 5.405.437.281 | 3.186.527.891 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 3.863.363.914.168 | 3.640.599.660.168 |

| ASSETS | Codes | 2011 | 2010 |
|--|--------------|--------------------------|--------------------------|
| A. CURRENT ASSETS | 100 | 2,295,538,371,564 | 2,085,950,482,757 |
| I. Cash and cash equivalents | 110 | 258,530,906,001 | 161,169,416,926 |
| 1. Cash | 111 | 169,330,906,001 | 116,969,416,926 |
| 2. Cash equivalents | 112 | 89,200,000,000 | 44,200,000,000 |
| II. Short-term financial investments | 120 | 961,957,623,838 | 1,022,132,787,970 |
| 1. Short-term investments | 121 | 1,089,368,413,451 | 1,022,300,847,130 |
| 2. Provision for diminution in value of short-term financial investments | 129 | (127,410,789,613) | (168,059,160) |
| III. Short-term receivables | 130 | 1,062,269,028,038 | 889,099,613,498 |
| 1. Trade accounts receivable | 131 | 750,805,359,551 | 512,436,575,671 |
| 2. Advances to suppliers | 132 | 2,513,438,442 | 71,469,340,658 |
| 3. Other receivables | 135 | 346,571,974,894 | 332,490,743,802 |
| 4. Provision for short-term doubtful debts | 139 | (37,621,744,849) | (27,297,046,633) |
| IV. Inventories | 140 | 3,514,137,420 | 4,155,845,788 |
| 1. Inventories | 141 | 3,514,137,420 | 4,155,845,788 |
| V. Other short-term assets | 150 | 9,266,676,267 | 9,392,818,575 |
| 1. Short-term prepayments | 151 | 1,309,716,403 | 1,052,839,181 |
| 2. Other short-term assets | 158 | 7,956,959,864 | 8,339,979,394 |
| B. NON-CURRENT ASSETS | 200 | 1,567,825,542,604 | 1,554,649,177,411 |
| I. Long-term receivables | 210 | 31,189,032,887 | 23,352,270,045 |
| 1. Other long-term receivables | 218 | 31,189,032,887 | 23,352,270,045 |
| II. Fixed assets | 220 | 454,357,013,718 | 430,011,591,119 |
| 1. Tangible fixed assets | 221 | 97,274,997,397 | 93,853,906,838 |
| - Cost | 222 | 200,641,424,494 | 185,123,715,497 |
| - Accumulated amortisation | 223 | (103,366,427,097) | (91,269,808,659) |
| 2. Intangible assets | 227 | 308,110,122,764 | 289,417,701,599 |
| - Cost | 228 | 335,232,886,205 | 308,347,990,197 |
| - Accumulated amortisation | 229 | (27,122,763,441) | (18,930,288,598) |
| 3. Construction in progress | 230 | 48,971,893,557 | 46,739,982,682 |
| III. Investment property | 240 | 7,655,042,500 | 7,655,042,500 |
| - Cost | 241 | 7,655,042,500 | 7,655,042,500 |
| IV. Long-term financial investments | 250 | 950,624,362,303 | 1,039,337,505,205 |
| 1. Investments in subsidiaries | 251 | 210,058,000,000 | 210,248,000,000 |
| 2. Interests in joint-ventures | 252 | 152,781,309,450 | 152,781,309,450 |
| 3. Other long-term investments | 258 | 593,653,219,519 | 703,813,646,913 |
| 4. Provision for long-term financial investments | 259 | (5,868,166,666) | (27,505,451,158) |
| V. Other long-term assets | 260 | 124,000,091,196 | 54,292,768,542 |
| 1. Long-term prepayments | 261 | 112,594,653,915 | 45,106,240,651 |
| 2. Regulatory deposit | 263 | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 |
| 3. Other long-term assets | 268 | 5,405,437,281 | 3,186,527,891 |
| TOTAL ASSETS | 270 | 3,863,363,914,168 | 3,640,599,660,168 |

Bảng Cân Đối Kế Toán (tt) (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Balance Sheet (continued) (As at December 31st 2011)

| NGUỒN VỐN | MS | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 1.691.957.052.130 | 1.442.702.598.584 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 722.496.197.650 | 463.858.439.695 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | 497.619.764.328 | 251.806.899.775 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 313 | 94.462.656.548 | 107.739.847.011 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 35.385.846.036 | 23.146.125.504 |
| 4. Phải trả người lao động | 315 | 33.566.796.560 | 17.354.091.861 |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 61.461.134.178 | 59.808.787.357 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | - | 4.002.688.187 |
| II. Dự phòng nghiệp vụ | 330 | 969.207.795.970 | 978.686.990.159 |
| 1. Dự phòng phí | 331 | 674.364.337.276 | 642.325.349.977 |
| 2. Dự phòng bồi thường | 332 | 126.305.466.773 | 168.180.397.171 |
| 3. Dự phòng dao động lớn | 333 | 168.537.991.921 | 168.181.243.011 |
| III. Nợ dài hạn | 340 | 253.058.510 | 157.168.730 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 343 | 253.058.510 | 157.168.730 |
| B. NGUỒN VỐN | 400 | 2.171.406.862.038 | 2.197.897.061.584 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 2.171.406.862.038 | 2.197.897.061.584 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | 755.000.000.000 | 755.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 1.133.484.074.449 | 1.133.484.074.449 |
| 3. Quỹ dự trữ bắt buộc | 417 | 43.244.907.730 | 39.369.447.307 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | 12.943.926.032 | 9.068.465.609 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 226.733.953.827 | 260.975.074.219 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 430 | 3.863.363.914.168 | 3.640.599.660.168 |

VŨ THỊ DUNG
Người lập

NGUYỄN PHÚ THỦY
Kế toán trưởng

LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

| RESOURCES | Codes | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. LIABILITIES | 300 | 1,691,957,052,130 | 1,442,702,598,584 |
| I. Current liabilities | 310 | 722,496,197,650 | 463,858,439,695 |
| 1. Trade accounts payable | 312 | 497,619,764,328 | 251,806,899,775 |
| 2. Advances from customers | 313 | 94,462,656,548 | 107,739,847,011 |
| 3. Taxes and amounts payable to State budget | 314 | 35,385,846,036 | 23,146,125,504 |
| 4. Payables to employees | 315 | 33,566,796,560 | 17,354,091,861 |
| 5. Other current payables | 319 | 61,461,134,178 | 59,808,787,357 |
| 6. Bonus and welfare funds | 323 | - | 4,002,688,187 |
| II. Technical reserves | 330 | 969,207,795,970 | 978,686,990,159 |
| 1. Premium reserve | 331 | 674,364,337,276 | 642,325,349,977 |
| 2. Claim reserve | 332 | 126,305,466,773 | 168,180,397,171 |
| 3. Catastrophe provision | 333 | 168,537,991,921 | 168,181,243,011 |
| III. Long-term liabilities | 340 | 253,058,510 | 157,168,730 |
| 1. Other long-term payables | 343 | 253,058,510 | 157,168,730 |
| B. EQUITY | 400 | 2,171,406,862,038 | 2,197,897,061,584 |
| I. Owners' equity | 410 | 2,171,406,862,038 | 2,197,897,061,584 |
| 1. Charter capital | 411 | 755,000,000,000 | 755,000,000,000 |
| 2. Share premium | 412 | 1,133,484,074,449 | 1,133,484,074,449 |
| 3. Statutory reserve | 417 | 43,244,907,730 | 39,369,447,307 |
| 4. Other owners' funds | 419 | 12,943,926,032 | 9,068,465,609 |
| 5. Retained earnings | 420 | 226,733,953,827 | 260,975,074,219 |
| TOTAL RESOURCES | 430 | 3,863,363,914,168 | 3,640,599,660,168 |



VU THI DUNG
Preparer



NGUYEN PHU THUY
Chief Accountant



LE VAN THANH
Chief Executive Officer and President

29 March 2012

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 2011

Income Statement (For the year ended on December 31st 2011)

| CHỈ TIÊU | MS | 2011 | 2010 |
|---|-----------|----------------------------|----------------------------|
| Thu phí bảo hiểm gốc | 01 | 2.132.494.422.312 | 1.988.214.746.740 |
| Thu phí nhận tái bảo hiểm | 02 | 227.382.657.819 | 172.834.567.654 |
| Các khoản giảm trừ | 03 | (714.652.116.949) | (653.505.850.768) |
| <i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i> | 04 | (704.080.224.777) | (606.103.559.355) |
| <i>Giảm phí bảo hiểm</i> | 05 | (984.351.228) | (1.238.926.747) |
| <i>Hoàn phí bảo hiểm</i> | 06 | (9.587.540.944) | (46.163.364.666) |
| <i>Tăng dự phòng phí</i> | 08 | (32.038.987.299) | (47.181.937.758) |
| <i>Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i> | 09 | 111.648.087.489 | 79.797.245.693 |
| <i>Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác</i> | 10 | 1.626.427.999 | 1.086.609.283 |
| Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 14 | 1.726.460.491.371 | 1.541.245.380.844 |
| <i>Chi bồi thường bảo hiểm gốc</i> | 15 | (1.598.564.075.922) | (827.035.409.462) |
| <i>Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm</i> | 16 | (105.288.538.109) | (73.353.115.398) |
| Trừ các khoản khấu trừ | 17 | 844.287.679.144 | 155.408.271.097 |
| <i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i> | 18 | 830.859.652.633 | 145.971.654.341 |
| <i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i> | 19 | 12.828.685.608 | 8.540.193.855 |
| <i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i> | 20 | 599.340.903 | 896.422.901 |
| Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại | 21 | (859.564.934.887) | (744.980.253.763) |
| <i>Sử dụng bồi thường từ dự phòng dao động lớn</i> | 22 | 49.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| <i>Giảm/(Tăng) dự phòng bồi thường</i> | 23 | 41.874.930.497 | (27.168.760.740) |
| <i>Trích dự phòng dao động lớn</i> | 24 | (49.356.748.910) | (45.226.303.908) |
| <i>Chi hoa hồng bảo hiểm gốc</i> | 27 | (239.471.911.092) | (188.794.780.259) |
| <i>Chi đòi người thứ ba</i> | 29 | (617.732.027) | (36.662.984) |
| <i>Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm</i> | 31 | (498.103.918) | (1.063.374.000) |
| <i>Chi để phòng hạn chế rủi ro, tổn thất</i> | 32 | (11.555.793.147) | (10.275.017.287) |
| <i>Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm...)</i> | 33 | (46.466.125.678) | (478.446.670) |
| <i>Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm</i> | 35 | (56.564.021.965) | (40.986.358.805) |
| Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 41 | (1.173.220.441.127) | (1.019.009.958.416) |
| Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 42 | 553.240.050.244 | 522.235.422.428 |
| <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | 44 | (549.935.541.254) | (505.486.144.448) |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i> | 45 | 3.304.508.990 | 16.749.277.980 |
| <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> | 46 | 301.869.815.997 | 276.468.164.306 |
| <i>Chi phí tài chính</i> | 47 | (176.024.210.081) | (99.761.720.235) |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</i> | 51 | 125.845.605.916 | 176.706.444.071 |
| <i>Thu nhập khác</i> | 52 | 4.870.890.177 | 1.178.461.189 |
| <i>Chi phí khác</i> | 53 | (3.878.772.679) | (221.906.829) |
| <i>Lợi nhuận khác</i> | 54 | 992.117.498 | 956.554.360 |
| <i>Lợi nhuận trước thuế</i> | 55 | 130.142.232.404 | 194.412.276.411 |
| <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i> | 60 | (20.362.072.316) | (13.042.964.232) |
| Lợi nhuận sau thuế | 61 | 109.780.160.088 | 181.369.312.179 |

VŨ THỊ DUNG
Người lập

NGUYỄN PHÚ THỦY
Kế toán trưởng



LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

| ITEMS | Codes | 2011 | 2010 |
|--|-----------|----------------------------|----------------------------|
| Premium from direct insurance | 01 | 2,132,494,422,312 | 1,988,214,746,740 |
| Premium from reinsurance inward | 02 | 227,382,657,819 | 172,834,567,654 |
| Less deductions | 03 | (714,652,116,949) | (653,505,850,768) |
| Reinsurance outward premium | 04 | (704,080,224,777) | (606,103,559,355) |
| Reduce premium | 05 | (984,351,228) | (1,238,926,747) |
| Return premium | 06 | (9,587,540,944) | (46,163,364,666) |
| Increase premium provision | 08 | (32,038,987,299) | (47,181,937,758) |
| Reinsurance outward commission | 09 | 111,648,087,489 | 79,797,245,693 |
| Other revenue from insurance activities | 10 | 1,626,427,999 | 1,086,609,283 |
| Net premium | 14 | 1,726,460,491,371 | 1,541,245,380,844 |
| Direct insurance claim | 15 | (1,598,564,075,922) | (827,035,409,462) |
| Reinsurance inward claim | 16 | (105,288,538,109) | (73,353,115,398) |
| Less deductions | 17 | 844,287,679,144 | 155,408,271,097 |
| Recoveries from reinsurance outwards | 18 | 830,859,652,633 | 145,971,654,341 |
| Recoveries from third parties | 19 | 12,828,685,608 | 8,540,193,855 |
| Salvages | 20 | 599,340,903 | 896,422,901 |
| Claim loss under retention | 21 | (859,564,934,887) | (744,980,253,763) |
| Claim from catastrophe reserve | 22 | 49,000,000,000 | 40,000,000,000 |
| Decrease/(Increase) claim provision | 23 | 41,874,930,497 | (27,168,760,740) |
| Provision for catastrophe reserve | 24 | (49,356,748,910) | (45,226,303,908) |
| Commission for direct insurance | 27 | (239,471,911,092) | (188,794,780,259) |
| Costs dealing with third party | 29 | (617,732,027) | (36,662,984) |
| Costs of selling salvages | 31 | (498,103,918) | (1,063,374,000) |
| Survey fee | 32 | (11,555,793,147) | (10,275,017,287) |
| Others (adjusting fee, co-insurance fee, etc.) | 33 | (46,466,125,678) | (478,446,670) |
| Reinsurance inward commission | 35 | (56,564,021,965) | (40,986,358,805) |
| Spending on insurance activities | 41 | (1,173,220,441,127) | (1,019,009,958,416) |
| Gross profit from insurance activities | 42 | 553,240,050,244 | 522,235,422,428 |
| General and administration expenses | 44 | (549,935,541,254) | (505,486,144,448) |
| Profit from insurance activities | 45 | 3,304,508,990 | 16,749,277,980 |
| Financial income | 46 | 301,869,815,997 | 276,468,164,306 |
| Financial expenses | 47 | (176,024,210,081) | (99,761,720,235) |
| Profit from financial activities | 51 | 125,845,605,916 | 176,706,444,071 |
| Other income | 52 | 4,870,890,177 | 1,178,461,189 |
| Other expense | 53 | (3,878,772,679) | (221,906,829) |
| Profit from other activities | 54 | 992,117,498 | 956,554,360 |
| Profit before tax | 55 | 130,142,232,404 | 194,412,276,411 |
| Current tax expense | 60 | (20,362,072,316) | (13,042,964,232) |
| Profit after tax | 61 | 109,780,160,088 | 181,369,312,179 |

VU THI DUNG
Preparer

NGUYEN PHU THUY
Chief Accountant



LE VAN THANH
Chief Executive Officer and President
29 March 2012

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ 2011

Cash Flows Statement (For the year ended on December 31st 2011)

| CHỈ TIÊU | MS | 2011 | 2010 |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 130.142.232.404 | 194.412.276.411 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 22.363.019.555 | 20.301.443.928 |
| Tăng các khoản dự phòng | 03 | 106.450.949.988 | 108.367.466.600 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (16.559.978.359) | (15.710.973.268) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (248.696.040.545) | (236.544.801.045) |
| Chi phí lãi vay | 06 | - | 3.245.306.667 |
| 3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (6.299.816.957) | 74.070.719.293 |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | (146.122.085.262) | (73.951.230.567) |
| Giảm/(Tăng) hàng tồn kho | 10 | 641.708.368 | (648.198.118) |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 234.636.179.365 | 96.816.155.522 |
| Tăng chi phí trả trước | 12 | (51.636.240.572) | (22.801.044.030) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | - | (3.245.306.667) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (23.962.751.601) | (22.116.882.600) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 90.800.465.009 | 78.426.628.673 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (113.901.078.001) | (108.562.152.359) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (15.843.619.651) | 17.988.689.147 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (67.620.040.268) | (57.528.859.109) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 4.409.814.479 | 402.357.238 |
| Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn | 23 | (2.471.445.118.000) | (1.339.674.765.530) |
| Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư | 24 | 2.514.537.979.073 | 1.449.377.980.814 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (114.706.876.950) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 190.000.000 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 244.286.226.066 | 236.159.626.055 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 224.358.861.350 | 174.029.462.518 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | (100.000.000.000) |
| Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (113.250.000.000) | (90.600.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (113.250.000.000) | (190.600.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 95.265.241.699 | 1.418.151.665 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 161.169.416.926 | 159.355.358.482 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | 2.096.247.376 | 395.906.779 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 258.530.906.001 | 161.169.416.926 |

VŨ THỊ DUNG
Người lập

NGUYỄN PHÚ THỦY
Kế toán trưởng

LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

| ITEMS | MS | 2011 | 2010 |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Profit before tax | 01 | 130,142,232,404 | 194,412,276,411 |
| 2. Adjustments for: | | | |
| Depreciation and amortisation | 02 | 22,363,019,555 | 20,301,443,928 |
| Provisions | 03 | 106,450,949,988 | 108,367,466,600 |
| Unrealized foreign exchange gain | 04 | (16,559,978,359) | (15,710,973,268) |
| Gain from investing activities | 05 | (248,696,040,545) | (236,544,801,045) |
| Interest expense | 06 | - | 3,245,306,667 |
| 3. Operating profit before movements in working capital | 08 | (6,299,816,957) | 74,070,719,293 |
| Increase in receivables | 09 | (146,122,085,262) | (73,951,230,567) |
| Decrease/(Increase) in inventories | 10 | 641,708,368 | (648,198,118) |
| Increase in accounts payable | 11 | 234,636,179,365 | 96,816,155,522 |
| Increase in prepaid expenses | 12 | (51,636,240,572) | (22,801,044,030) |
| Interest paid | 13 | - | (3,245,306,667) |
| Corporate income tax paid | 14 | (23,962,751,601) | (22,116,882,600) |
| Other cash inflows | 15 | 90,800,465,009 | 78,426,628,673 |
| Other cash outflows | 16 | (113,901,078,001) | (108,562,152,359) |
| Net cash (used in)/from operating activities | 20 | (15,843,619,651) | 17,988,689,147 |
| CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES | | | |
| Acquisition and construction of fixed assets | 21 | (67,620,040,268) | (57,528,859,109) |
| Proceeds from disposal of fixed assets | 22 | 4,409,814,479 | 402,357,238 |
| Cash outflow for short-term and long-term investment | 23 | (2,471,445,118,000) | (1,339,674,765,530) |
| Cash recovered from investments | 24 | 2,514,537,979,073 | 1,449,377,980,814 |
| Investments in other entities | 25 | - | (114,706,876,950) |
| Cash recovered from investments in other entities | 26 | 190,000,000 | - |
| Interest received, dividends and profit received | 27 | 244,286,226,066 | 236,159,626,055 |
| Net cash from investing activities | 30 | 224,358,861,350 | 174,029,462,518 |
| CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES | | | |
| Repayments of borrowings | 34 | - | (100,000,000,000) |
| Dividends paid | 36 | (113,250,000,000) | (90,600,000,000) |
| Net cash used in financing activities | 40 | (113,250,000,000) | (190,600,000,000) |
| Net increase in cash and cash equivalents | 50 | 95,265,241,699 | 1,418,151,665 |
| Cash and cash equivalents at the beginning of the year | 60 | 161,169,416,926 | 159,355,358,482 |
| Impacts of exchange rate fluctuations | 61 | 2,096,247,376 | 395,906,779 |
| Cash and cash equivalents at the ending of the year | 70 | 258,530,906,001 | 161,169,416,926 |

VU THI DUNG
Preparer

NGUYEN PHU THUY
Chief Accountant



LE VAN THANH
Chief Executive Officer and President

29 March 2012

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM NGHỀ LUẬT SƯ/ CÔNG CHỨNG VIÊN

LAWYER CAREER/ NOTARY

RESPONSIBILITY INSURANCE

Sản phẩm bảo hiểm này được thiết kế nhằm bồi thường những thiệt hại tài chính cho khách hàng, thân chủ của mình do những sai sót hay bất cẩn của các cộng sự, luật sư gây ra trong quá trình thực hiện công việc, dịch vụ tư vấn pháp lý, tranh tụng.

Bảo Minh sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm trong hạn mức trách nhiệm bồi thường như trong hợp đồng bảo hiểm đối với các khiếu kiện được thực hiện một cách hợp pháp nhằm chống lại người được bảo hiểm do người được bảo hiểm vi phạm hoặc được cho là đã vi phạm nghĩa vụ, nghề nghiệp do hành vi, lỗi hoặc thiếu sót không cố ý.

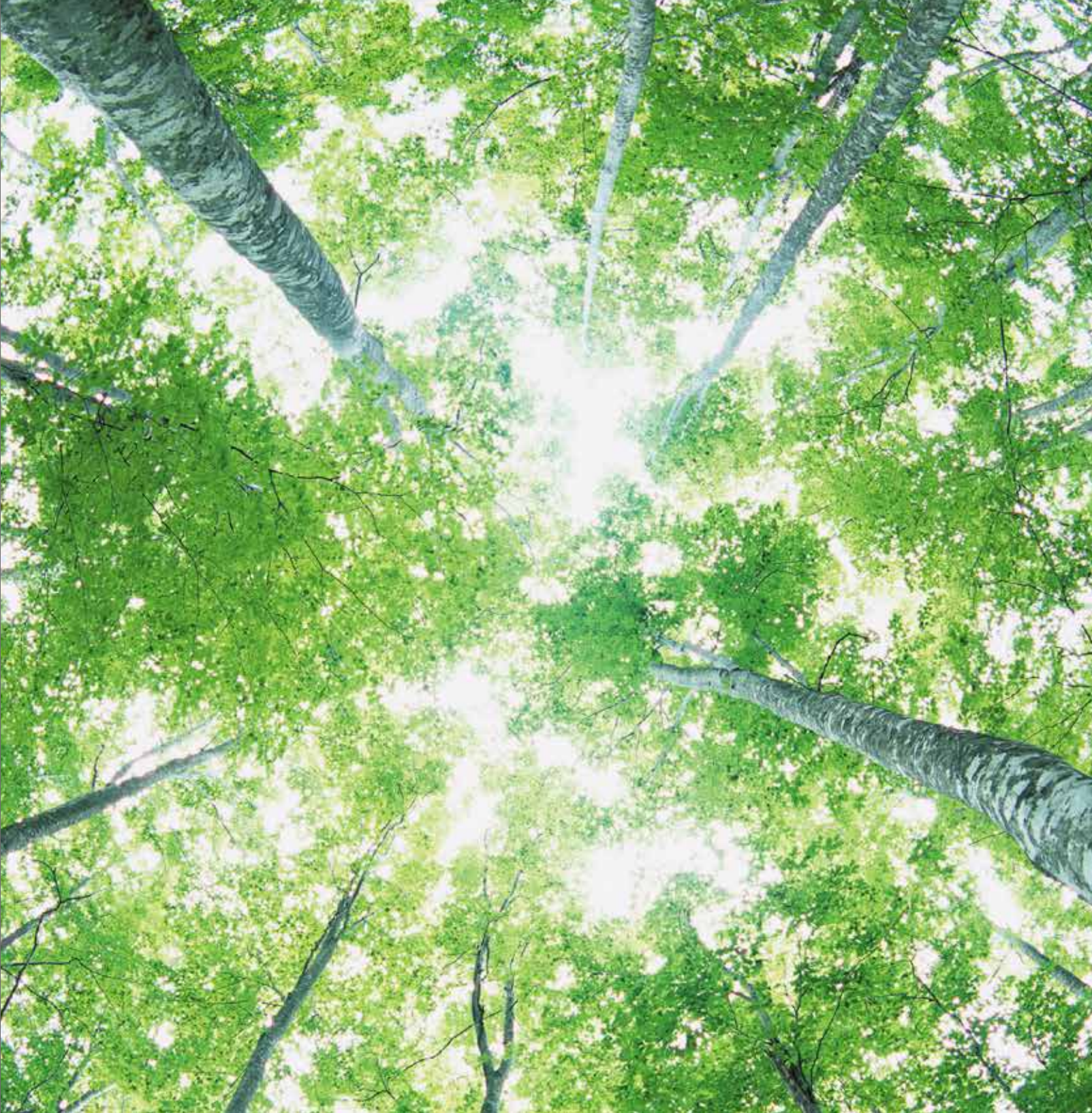
Ngoài ra, Bảo Minh cũng bồi thường các chi phí phát sinh để bào chữa hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường từ bên thứ 3

This product is designed for compensating of financial losses for customers due to carelessness or mistakes caused by lawyers, co-workers during the procedural time or the time of performing a contract

Bao Minh will make a compensation for the insured in limit of claim responsibility as in the insurance contract regarding appeal executed legally with a purpose against the insured due to career violation caused by mistakes, carelessness or breach of contract.

Besides that Bao Minh also make a claim for potentials expenses in order to defend or solve a claim request from the 3rd parties





Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất
Consolidated Financial Statements

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Consolidated Balance Sheet (As at December 31st 2011)

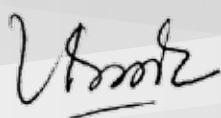
| TÀI SẢN | MS | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 2.513.740.908.848 | 2.244.251.709.541 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 438.831.019.213 | 299.668.805.582 |
| 1. Tiền | 111 | 173.931.019.213 | 126.468.805.582 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 264.900.000.000 | 173.200.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 966.902.072.671 | 1.022.519.683.270 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 1.094.612.985.645 | 1.022.798.532.910 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | (127.710.912.974) | (278.849.640) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 1.095.102.779.757 | 908.385.228.659 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 751.159.359.551 | 512.446.575.671 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 2.562.188.442 | 71.577.340.658 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 379.002.976.613 | 351.658.358.963 |
| 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | (37.621.744.849) | (27.297.046.633) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 3.514.137.420 | 4.155.845.788 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 3.514.137.420 | 4.155.845.788 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 9.390.899.787 | 9.522.146.242 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 1.382.223.923 | 1.114.366.848 |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 8.008.675.864 | 8.407.779.394 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 1.557.935.131.294 | 1.573.104.841.159 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 31.189.032.887 | 23.352.270.045 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 218 | 31.189.032.887 | 23.352.270.045 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 461.145.729.286 | 435.153.623.817 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 99.823.759.416 | 96.933.444.407 |
| - Nguyên giá | 222 | 209.513.586.720 | 192.730.126.006 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (109.689.827.304) | (95.796.681.599) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 312.350.076.313 | 290.280.946.728 |
| - Nguyên giá | 228 | 341.038.381.245 | 310.041.721.402 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (28.688.304.932) | (19.760.774.674) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 48.971.893.557 | 47.939.232.682 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 7.655.042.500 | 7.655.042.500 |
| - Nguyên giá | 241 | 7.655.042.500 | 7.655.042.500 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 933.236.255.132 | 1.051.926.331.906 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh | 252 | 229.452.802.279 | 206.370.536.151 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 709.651.619.519 | 873.061.246.913 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | (5.868.166.666) | (27.505.451.158) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | 124.709.071.489 | 55.017.572.891 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 112.594.653.915 | 45.256.496.382 |
| 2. Ký quỹ bắt buộc | 263 | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 6.114.417.574 | 3.761.076.509 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 4.071.676.040.142 | 3.817.356.550.700 |

| ASSETS | Codes | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. CURRENT ASSETS | 100 | 2,513,740,908,848 | 2,244,251,709,541 |
| I. Cash and cash equivalents | 110 | 438,831,019,213 | 299,668,805,582 |
| 1. Cash | 111 | 173,931,019,213 | 126,468,805,582 |
| 2. Cash equivalents | 112 | 264,900,000,000 | 173,200,000,000 |
| II. Short-term financial investments | 120 | 966,902,072,671 | 1,022,519,683,270 |
| 1. Short-term investments | 121 | 1,094,612,985,645 | 1,022,798,532,910 |
| 2. Provision for diminution in value of short-term financial investments | 129 | (127,710,912,974) | (278,849,640) |
| III. Short-term receivables | 130 | 1,095,102,779,757 | 908,385,228,659 |
| 1. Trade accounts receivable | 131 | 751,159,359,551 | 512,446,575,671 |
| 2. Advances to suppliers | 132 | 2,562,188,442 | 71,577,340,658 |
| 3. Other receivables | 135 | 379,002,976,613 | 351,658,358,963 |
| 4. Provision for short-term doubtful debts | 139 | (37,621,744,849) | (27,297,046,633) |
| IV. Inventories | 140 | 3,514,137,420 | 4,155,845,788 |
| 1. Inventories | 141 | 3,514,137,420 | 4,155,845,788 |
| V. Other short-term assets | 150 | 9,390,899,787 | 9,522,146,242 |
| 1. Short-term prepayments | 151 | 1,382,223,923 | 1,114,366,848 |
| 2. Other short-term assets | 158 | 8,008,675,864 | 8,407,779,394 |
| B. NON-CURRENT ASSETS | 200 | 1,557,935,131,294 | 1,573,104,841,159 |
| I. Long-term receivables | 210 | 31,189,032,887 | 23,352,270,045 |
| 1. Other long-term receivables | 218 | 31,189,032,887 | 23,352,270,045 |
| II. Fixed assets | 220 | 461,145,729,286 | 435,153,623,817 |
| 1. Tangible fixed assets | 221 | 99,823,759,416 | 96,933,444,407 |
| - Cost | 222 | 209,513,586,720 | 192,730,126,006 |
| - Accumulated amortisation | 223 | (109,689,827,304) | (95,796,681,599) |
| 2. Intangible assets | 227 | 312,350,076,313 | 290,280,946,728 |
| - Cost | 228 | 341,038,381,245 | 310,041,721,402 |
| - Accumulated amortisation | 229 | (28,688,304,932) | (19,760,774,674) |
| 3. Construction in progress | 230 | 48,971,893,557 | 47,939,232,682 |
| III. Investment property | 240 | 7,655,042,500 | 7,655,042,500 |
| - Cost | 241 | 7,655,042,500 | 7,655,042,500 |
| IV. Long-term financial investments | 250 | 933,236,255,132 | 1,051,926,331,906 |
| 1. Investment in joint-ventures | 252 | 229,452,802,279 | 206,370,536,151 |
| 2. Other long-term investments | 258 | 709,651,619,519 | 873,061,246,913 |
| 3. Provision for long-term financial investments | 259 | (5,868,166,666) | (27,505,451,158) |
| V. Other long-term assets | 260 | 124,709,071,489 | 55,017,572,891 |
| 1. Long-term prepayments | 261 | 112,594,653,915 | 45,256,496,382 |
| 2. Regulatory deposit | 263 | 6,000,000,000 | 6,000,000,000 |
| 3. Other long-term assets | 268 | 6,114,417,574 | 3,761,076,509 |
| TOTAL ASSETS | 270 | 4,071,676,040,142 | 3,817,356,550,700 |

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất (tt) (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011)

Consolidated Balance Sheet (continued) (As at December 31st 2011)

| NGUỒN VỐN | MS | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 1.701.376.760.825 | 1.452.352.426.195 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 731.843.925.326 | 473.466.346.282 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | - | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 497.862.327.273 | 252.143.257.644 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 94.507.656.548 | 107.789.847.011 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 37.453.526.701 | 24.809.781.876 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | 33.980.718.801 | 17.788.545.461 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 67.332.076.930 | 66.023.520.232 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | 707.619.073 | 4.911.394.058 |
| II. Nợ dài hạn | 320 | 325.039.529 | 199.089.754 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 322 | 253.058.510 | 157.168.730 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 326 | 71.981.019 | 41.921.024 |
| III. Dự phòng nghiệp vụ | 330 | 969.207.795.970 | 978.686.990.159 |
| 1. Dự phòng phí | 331 | 674.364.337.276 | 642.325.349.977 |
| 2. Dự phòng bồi thường | 333 | 126.305.466.773 | 168.180.397.171 |
| 3. Dự phòng dao động lớn | 334 | 168.537.991.921 | 168.181.243.011 |
| B. NGUỒN VỐN | 400 | 2.270.680.057.767 | 2.268.141.386.309 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 2.270.680.057.767 | 2.268.141.386.309 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | 755.000.000.000 | 755.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 1.133.484.074.449 | 1.133.484.074.449 |
| 3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 417 | - | - |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 1.953.070.906 | 1.354.440.477 |
| 5. Quỹ dự trữ bắt buộc | 422 | 48.913.068.945 | 43.381.188.412 |
| 6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | 15.039.052.153 | 10.713.022.890 |
| 7. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 316.290.791.314 | 324.208.660.081 |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 500 | 99.619.221.550 | 96.862.738.196 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 600 | 4.071.676.040.142 | 3.817.356.550.700 |



VŨ THỊ DUNG
Người lập



NGUYỄN PHÚ THỦY
Kế toán trưởng



LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

| RESOURCES | Codes | 2011 | 2010 |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. LIABILITIES | 300 | 1,701,376,760,825 | 1,452,352,426,195 |
| I. Current liabilities | 310 | 731,843,925,326 | 473,466,346,282 |
| 1. Short-term loans and liabilities | 311 | - | - |
| 2. Trade accounts payable | 312 | 497,862,327,273 | 252,143,257,644 |
| 3. Advances from customers | 313 | 94,507,656,548 | 107,789,847,011 |
| 4. Taxes and amounts payable to State budget | 314 | 37,453,526,701 | 24,809,781,876 |
| 5. Payables to employees | 315 | 33,980,718,801 | 17,788,545,461 |
| 6. Other current payables | 319 | 67,332,076,930 | 66,023,520,232 |
| 7. Bonus and welfare funds | 323 | 707,619,073 | 4,911,394,058 |
| II. Long-term loans | 320 | 325,039,529 | 199,089,754 |
| 1. Other long-term payables | 322 | 253,058,510 | 157,168,730 |
| 2. Severance allowances | 326 | 71,981,019 | 41,921,024 |
| III. Technical reserves | 330 | 969,207,795,970 | 978,686,990,159 |
| 1. Premium reserve | 331 | 674,364,337,276 | 642,325,349,977 |
| 2. Claim reserve | 333 | 126,305,466,773 | 168,180,397,171 |
| 3. Catastrophe provision | 334 | 168,537,991,921 | 168,181,243,011 |
| B. EQUITY | 400 | 2,270,680,057,767 | 2,268,141,386,309 |
| I. Owners' equity | 410 | 2,270,680,057,767 | 2,268,141,386,309 |
| 1. Charter capital | 411 | 755,000,000,000 | 755,000,000,000 |
| 2. Share premium | 412 | 1,133,484,074,449 | 1,133,484,074,449 |
| 3. Additional capital reserve fund | 417 | - | - |
| 4. Financial reserve funds | 418 | 1,953,070,906 | 1,354,440,477 |
| 5. Statutory reserve | 422 | 48,913,068,945 | 43,381,188,412 |
| 6. Other owners' funds | 419 | 15,039,052,153 | 10,713,022,890 |
| 7. Retained earnings | 420 | 316,290,791,314 | 324,208,660,081 |
| C. NON-CONTROLLING INTEREST | 500 | 99,619,221,550 | 96,862,738,196 |
| TOTAL RESOURCES | 600 | 4,071,676,040,142 | 3,817,356,550,700 |



VU THI DUNG
Preparer



NGUYEN PHU THUY
Chief Accountant



LE VAN THANH
Chief Executive Officer and President
April 9th 2012

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất

Consolidated Income Statement (For the year ended on December 31st 2011)

| CHỈ TIÊU | MS | 2011 | 2010 |
|---|-----------|----------------------------|----------------------------|
| Thu phí bảo hiểm gốc | 01 | 2.132.494.422.312 | 1.988.214.746.740 |
| Thu phí nhận tái bảo hiểm | 02 | 227.382.657.819 | 172.834.567.654 |
| Các khoản giảm trừ | 03 | (714.652.116.949) | (653.505.850.768) |
| <i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i> | 04 | (704.080.224.777) | (606.103.559.355) |
| <i>Giảm phí bảo hiểm</i> | 05 | (984.351.228) | (1.238.926.747) |
| <i>Hoàn phí bảo hiểm</i> | 06 | (9.587.540.944) | (46.163.364.666) |
| <i>Tăng dự phòng phí</i> | 08 | (32.038.987.299) | (47.181.937.758) |
| <i>Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i> | 09 | 111.648.087.489 | 79.797.245.693 |
| <i>Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác</i> | 10 | 1.626.427.999 | 1.086.609.283 |
| Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 14 | 1.726.460.491.371 | 1.541.245.380.844 |
| <i>Chi bồi thường bảo hiểm gốc</i> | 15 | (1.598.564.075.922) | (827.035.409.462) |
| <i>Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm</i> | 16 | (105.288.538.109) | (73.353.115.398) |
| Trừ các khoản khấu trừ | 17 | 844.287.679.144 | 155.408.271.097 |
| <i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i> | 18 | 830.859.652.633 | 145.971.654.341 |
| <i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i> | 19 | 12.828.685.608 | 8.540.193.855 |
| <i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i> | 20 | 599.340.903 | 896.422.901 |
| Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại | 21 | (859.564.934.887) | (744.980.253.763) |
| <i>Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn</i> | 22 | 49.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| <i>Giảm/(Tăng) dự phòng bồi thường</i> | 23 | 41.874.930.497 | (27.168.760.740) |
| <i>Trích dự phòng dao động lớn</i> | 24 | (49.356.748.910) | (45.226.303.908) |
| <i>Chi hoa hồng bảo hiểm gốc</i> | 27 | (239.471.911.092) | (188.794.780.259) |
| <i>Chi đòi người thứ ba</i> | 29 | (617.732.027) | (36.662.984) |
| <i>Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm</i> | 31 | (498.103.918) | (1.063.374.000) |
| <i>Chi để phòng hạn chế rủi ro, tổn thất</i> | 32 | (11.555.793.147) | (10.275.017.287) |
| <i>Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm...)</i> | 33 | (46.466.125.678) | (478.446.670) |
| <i>Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm</i> | 35 | (56.564.021.965) | (40.986.358.805) |
| Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 41 | (1.173.220.441.127) | (1.019.009.958.416) |
| Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm | 42 | 553.240.050.244 | 522.235.422.428 |
| <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | 44 | (549.935.541.254) | (505.486.144.448) |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i> | 45 | 3.304.508.990 | 16.749.277.980 |
| <i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> | 46 | 333.407.140.664 | 246.299.391.081 |
| <i>Chi phí tài chính</i> | 47 | (194.191.241.777) | (118.195.386.316) |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</i> | 51 | 139.215.898.887 | 128.104.004.765 |
| <i>Thu nhập khác</i> | 52 | 4.954.163.724 | 1.552.112.658 |
| <i>Chi phí khác</i> | 53 | (3.973.448.297) | (221.906.829) |
| <i>Lợi nhuận khác</i> | 54 | 980.715.427 | 1.330.205.829 |
| <i>Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên doanh</i> | 55 | 33.128.402.217 | 17.412.971.105 |
| Lợi nhuận trước thuế | 56 | 176.629.525.521 | 163.596.459.679 |
| <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i> | 60 | (28.487.034.869) | (18.741.552.500) |
| Lợi nhuận sau thuế | 61 | 148.142.490.652 | 144.854.907.179 |
| <i>Phân phối cho: Lợi ích cổ đông thiểu số</i> | 62 | 7.332.307.038 | 5.125.883.569 |
| <i>Lợi ích của cổ đông Tổng Công ty</i> | 63 | 140.810.183.614 | 139.729.023.610 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 1.803 | 1.731 |

VŨ THỊ DUNG
Người lập

NGUYỄN PHÚ THỦY
Kế toán trưởng

LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

| ITEMS | Codes | 2011 | 2010 |
|--|-----------|----------------------------|----------------------------|
| Premium from direct insurance | 01 | 2,132,494,422,312 | 1,988,214,746,740 |
| Premium from reinsurance inward | 02 | 227,382,657,819 | 172,834,567,654 |
| Less deductions | 03 | (714,652,116,949) | (653,505,850,768) |
| Reinsurance outward premium | 04 | (704,080,224,777) | (606,103,559,355) |
| Reduce premium | 05 | (984,351,228) | (1,238,926,747) |
| Return premium | 06 | (9,587,540,944) | (46,163,364,666) |
| Increase premium provision | 08 | (32,038,987,299) | (47,181,937,758) |
| Reinsurance outward commission | 09 | 111,648,087,489 | 79,797,245,693 |
| Other revenue from insurance activities | 10 | 1,626,427,999 | 1,086,609,283 |
| Net premium | 14 | 1,726,460,491,371 | 1,541,245,380,844 |
| Direct insurance claim | 15 | (1,598,564,075,922) | (827,035,409,462) |
| Reinsurance inward claim | 16 | (105,288,538,109) | (73,353,115,398) |
| Less deductions | 17 | 844,287,679,144 | 155,408,271,097 |
| Recoveries from reinsurance outwards | 18 | 830,859,652,633 | 145,971,654,341 |
| Recoveries from third parties | 19 | 12,828,685,608 | 8,540,193,855 |
| Salvages | 20 | 599,340,903 | 896,422,901 |
| Claim loss under retention | 21 | (859,564,934,887) | (744,980,253,763) |
| Claim from catastrophe reserve | 22 | 49,000,000,000 | 40,000,000,000 |
| Decrease/(Increase) claim provision | 23 | 41,874,930,497 | (27,168,760,740) |
| Provision for catastrophe reserve | 24 | (49,356,748,910) | (45,226,303,908) |
| Commission for direct insurance | 27 | (239,471,911,092) | (188,794,780,259) |
| Costs dealing with third party | 29 | (617,732,027) | (36,662,984) |
| Survey fee | 31 | (498,103,918) | (1,063,374,000) |
| Cost of prevent and minimize losses | 32 | (11,555,793,147) | (10,275,017,287) |
| Others (adjusting fee, co-insurance fee, etc.) | 33 | (46,466,125,678) | (478,446,670) |
| Reinsurance inward commission | 35 | (56,564,021,965) | (40,986,358,805) |
| Spending on insurance activities | 41 | (1,173,220,441,127) | (1,019,009,958,416) |
| Gross profit from insurance activities | 42 | 553,240,050,244 | 522,235,422,428 |
| General and administration expenses | 44 | (549,935,541,254) | (505,486,144,448) |
| Profit from insurance activities | 45 | 3,304,508,990 | 16,749,277,980 |
| Financial income | 46 | 333,407,140,664 | 246,299,391,081 |
| Financial expenses | 47 | (194,191,241,777) | (118,195,386,316) |
| Profit from financial activities | 51 | 139,215,898,887 | 128,104,004,765 |
| Other income | 52 | 4,954,163,724 | 1,552,112,658 |
| Other expense | 53 | (3,973,448,297) | (221,906,829) |
| Profit from other activities | 54 | 980,715,427 | 1,330,205,829 |
| Net profit in joint venture | 55 | 33,128,402,217 | 17,412,971,105 |
| Profit before tax | 56 | 176,629,525,521 | 163,596,459,679 |
| Current tax expense | 60 | (28,487,034,869) | (18,741,552,500) |
| Profit after tax | 61 | 148,142,490,652 | 144,854,907,179 |
| Attributable to: Non-controlling interest | 62 | 7,332,307,038 | 5,125,883,569 |
| The Corporation's shareholders interest | 63 | 140,810,183,614 | 139,729,023,610 |
| Basic earnings per share | 70 | 1,803 | 1,731 |

VU THI DUNG
Preparer

NGUYEN PHU THUY
Chief Accountant



LE VAN THANH
Chief Executive Officer and President
April 9th 2012

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

Consolidated Cash Flows Statement (For the year ended on December 31st 2011)

| CHỈ TIÊU | MS | 2011 | 2010 |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 176.629.525.521 | 165.132.064.567 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 25.068.984.760 | 22.910.756.128 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 106.640.282.869 | 108.416.757.080 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (16.559.978.359) | (15.710.973.268) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (306.387.735.566) | (222.221.496.133) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 83.202.082 | 3.376.556.667 |
| 3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (14.525.718.693) | 61.903.665.041 |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | (162.691.358.217) | (75.017.384.313) |
| Giảm/(Tăng) hàng tồn kho | 10 | 641.708.368 | (648.198.118) |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 233.861.886.436 | 80.561.700.319 |
| Tăng chi phí trả trước | 12 | (51.496.964.694) | (21.982.749.926) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (83.202.082) | (3.376.556.667) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (31.630.078.343) | (29.575.854.453) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 90.800.465.009 | 78.853.428.504 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (115.180.836.591) | (109.777.820.366) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (50.304.098.807) | (19.059.769.979) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (72.053.511.820) | (59.769.920.853) |
| Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn khác | 22 | 4.415.014.479 | 402.357.238 |
| Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn | 23 | (2.471.445.118.000) | (1.339.674.765.530) |
| Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư | 24 | 2.566.487.979.073 | 1.449.377.980.814 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (622.413.684.829) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 190.000.000 | 537.234.236.162 |
| Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 273.025.701.330 | 255.978.286.231 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 300.620.065.062 | 221.134.489.233 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 30.750.000.000 | 14.000.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (30.750.000.000) | (114.000.000.000) |
| Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (113.250.000.000) | (90.600.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (113.250.000.000) | (190.600.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 137.065.966.255 | 11.474.719.254 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 299.668.805.582 | 287.798.179.549 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | 2.096.247.376 | 395.906.779 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 438.831.019.213 | 299.668.805.582 |

VŨ THỊ DUNG
Người lập

NGUYỄN PHÚ THỦY
Kế toán trưởng

LÊ VĂN THÀNH
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 4 năm 2012

| ITEMS | Codes | 2011 | 2010 |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES | | | |
| 1. Profit before tax | 01 | 176,629,525,521 | 165,132,064,567 |
| 2. Adjustments for: | | | |
| Depreciation and amortisation | 02 | 25,068,984,760 | 22,910,756,128 |
| Provisions | 03 | 106,640,282,869 | 108,416,757,080 |
| Unrealized foreign exchange differences | 04 | (16,559,978,359) | (15,710,973,268) |
| Gain from investing activities | 05 | (306,387,735,566) | (222,221,496,133) |
| Interest expense | 06 | 83,202,082 | 3,376,556,667 |
| 3. Operating (Loss)/Profit before movements in working capital | 08 | (14,525,718,693) | 61,903,665,041 |
| Increase in receivables | 09 | (162,691,358,217) | (75,017,384,313) |
| Decrease/(Increase) in inventories | 10 | 641,708,368 | (648,198,118) |
| Increase in accounts payable | 11 | 233,861,886,436 | 80,561,700,319 |
| Increase in prepaid expenses | 12 | (51,496,964,694) | (21,982,749,926) |
| Interest paid | 13 | (83,202,082) | (3,376,556,667) |
| Corporate income tax paid | 14 | (31,630,078,343) | (29,575,854,453) |
| Other cash inflows | 15 | 90,800,465,009 | 78,853,428,504 |
| Other cash outflows | 16 | (115,180,836,591) | (109,777,820,366) |
| Net cash used in operating activities | 20 | (50,304,098,807) | (19,059,769,979) |
| CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES | | | |
| Acquisition and construction of fixed assets | 21 | (72,053,511,820) | (59,769,920,853) |
| Proceeds from disposal of fixed assets | 22 | 4,415,014,479 | 402,357,238 |
| Cash outflow for short-term and long-term investment | 23 | (2,471,445,118,000) | (1,339,674,765,530) |
| Cash recovered from investments | 24 | 2,566,487,979,073 | 1,449,377,980,814 |
| Investments in other entities | 25 | - | (622,413,684,829) |
| Cash recovered from investments in other entities | 26 | 190,000,000 | 537,234,236,162 |
| Interest received, dividends and profit received | 27 | 273,025,701,330 | 255,978,286,231 |
| Net cash from investing activities | 30 | 300,620,065,062 | 221,134,489,233 |
| CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES | | | |
| Proceeds from borrowings | 33 | 30,750,000,000 | 14,000,000,000 |
| Repayments of borrowings | 34 | (30,750,000,000) | (114,000,000,000) |
| Dividends paid | 36 | (113,250,000,000) | (90,600,000,000) |
| Net cash used in financing activities | 40 | (113,250,000,000) | (190,600,000,000) |
| Net increase in cash and cash equivalents | 50 | 137,065,966,255 | 11,474,719,254 |
| Cash and cash equivalents at the beginning of the year | 60 | 299,668,805,582 | 287,798,179,549 |
| Impacts of exchange rate fluctuations | 61 | 2,096,247,376 | 395,906,779 |
| Cash and cash equivalents at the ending of the year | 70 | 438,831,019,213 | 299,668,805,582 |

VU THI DUNG
Preparer

NGUYEN PHU THUY
Chief Accountant



LE VAN THANH
Chief Executive Officer and President

April 9th 2012

Các công ty thành viên (Miền Bắc)

19 Branches at Northern

BẢO MINH BẮC GIANG

Đường Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ
TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
ĐT: (0240) 382 4700 - Fax: (0241) 382 4677
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH BẮC NINH

09 Lê Thái Tổ, P. Võ Cường,
TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (0241) 387 4095 - Fax: (0241) 381 0064
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH ĐÔNG ĐỒ

148 Trần Phú (Tầng 4), P. Mộ Lao
Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: (04) 3352 6928 - Fax: (04) 3351 1548
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH HÀ NAM

Đường Lê Công Thanh, P. Trần Hưng Đạo,
TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
ĐT: (0351) 384 4425 - Fax: (0351) 384 2585
Ngày thành lập: 05-05-2006

BẢO MINH HÀ NỘI

10 Phan Huy Chú, P. Phan Chu Trinh,
Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
ĐT: (04) 3945 4277 - Fax: (04) 3945 4276
Ngày thành lập: 06-03-1995

BẢO MINH HẢI DƯƠNG

05 Hồng Quang, P. Nguyễn Trãi
TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
ĐT: (0320) 384 0928 - Fax: (0320) 385 0150
Ngày thành lập: 03-08-1998

BẢO MINH HẢI PHÒNG

01 Hoàng Diệu, P. Minh Khai
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
ĐT: (031) 382 2812 - Fax: (031) 382 3360
Ngày thành lập: 11-01-1997

BẢO MINH HƯNG YÊN

Km 2 Nguyễn Văn Linh, P. Lam Sơn
TP. Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: (0321) 386 5221 - Fax: (0321) 386 5155
Ngày thành lập: 01-04-2003

BẢO MINH LẠNG SƠN

117 Trần Đăng Ninh, P. Tam Thanh,
TP. Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
ĐT: (025) 371 3171 - Fax: (025) 371 3173
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH LÀO CAI

Tầng 2, tòa nhà viễn thông Lào Cai, Trần Hưng Đạo,
P. Nam Cường, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
ĐT: (020) 3678 676 - Fax: (020) 3821 566
Ngày thành lập: 26-03-2008

BẢO MINH NAM ĐỊNH

26 Lê Hồng Phong, P. Vị Hoàng,
TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định
ĐT: (0350) 364 5754 - Fax: (0350) 364 5758
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH NINH BÌNH

1A Nguyễn Huệ, P. Nam Bình,
TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Tel : (033) 388 9755 - Fax: (033) 388 9766
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH PHÚ THỌ

2454 Đại Lộ Hùng Vương, P. Văn Cơ,
TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
ĐT: (0210) 385 3333 - Fax: (0210) 385 3678
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH QUẢNG NINH

Đường Phố Mới, P. Trần Hưng Đạo,
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
ĐT: (033) 382 1550 - Fax: (033) 382 1551
Ngày thành lập: 28-06-1997

BẢO MINH THÁI BÌNH

01 Hoàng Diệu, P. Lê Hồng Phong,
TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
ĐT: (036) 384 8858 - Fax: (036) 384 8758
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH THÁI NGUYÊN

125B Cách Mạng Tháng 8, P. Trưng Vương,
TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Tel : (0280) 375 0288 - Fax: (0280) 375 0290
Ngày thành lập: 28-02-2002

BẢO MINH THẮNG LONG

02 Giảng Võ, P. Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
ĐT: (04) 3933 4123 - Fax: (04) 3933 4133
Ngày thành lập: 05-05-2006

BẢO MINH VINH PHÚC

6B Phạm Văn Đồng, P. Tích Sơn,
TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
ĐT: (0211) 372 1937 - Fax: (0211) 372 1936
Ngày thành lập: 05-05-2006

BẢO MINH YÊN BÁI

Tổ 46, Đường Bưu Điện, P. Đồng Tâm
TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
ĐT: (029) 385 0566 - Fax: (029) 385 0569
Ngày thành lập: 05-05-2006

Các công ty thành viên (Miền Trung)

19 Branches at Center

BẢO MINH BÌNH ĐỊNH

87 Mai Xuân Thưởng, P. Lý Thường Kiệt
TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (056) 382 2174 - Fax: (056) 382 9077
Ngày thành lập: 01-09-1997

BẢO MINH BÌNH THUẬN

55 Đường 19/4, P. Xuân An,
TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
ĐT: (062) 383 9132 - Fax: (062) 383 9130
Ngày thành lập: 28-12-2001

BẢO MINH ĐÀ NẴNG

166 - 168 Nguyễn Văn Linh, P. Vĩnh Trung
Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: (0511) 221 6444 - Fax: (0511) 383 5888
Ngày thành lập: 08-03-1997

BẢO MINH ĐẮK LẮK

98 Ngô Quyền, P. Tân Lợi,
TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: (0500) 395 3539 - Fax: (0500) 395 2100
Ngày thành lập: 03-08-1998

BẢO MINH ĐẮK NÔNG

Trụ sở Liên Đoàn Lao Động Tỉnh Đắk Nông
Đường 23 Tháng 3, P. Nghĩa Đức,
TX. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông
ĐT: (0501) 354 6176 - Fax: (0501) 354 4552
Ngày thành lập: 05-05-2006

BẢO MINH GIA LAI

03 Trần Hưng Đạo, P. Tây Sơn,
TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
ĐT: (059) 371 6655 - Fax: (059) 371 7107
Ngày thành lập: 28-12-2001

BẢO MINH HÀ TĨNH

62 Hà Huy Tập, P. Hà Huy Tập,
TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
ĐT: (039) 369 0669 - Fax: (039) 385 9111
Ngày thành lập: 05-05-2006

BẢO MINH KON TUM

126A Phan Đình Phùng, P. Quang Trung
TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
ĐT: (060) 386 7605 - Fax: (060) 386 2354
Ngày thành lập: 26-03-2007

BẢO MINH KHÁNH HÒA

86 Quang Trung, P. Lộc Thọ
TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: (058) 3522 888 - Fax: (058) 3522 000
Ngày thành lập: 16-12-1996

BẢO MINH LÂM ĐỒNG

29 - 31 Phan Bội Châu, P. 1,
TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
ĐT: (063) 382 0380 - Fax: (063) 382 0565
Ngày thành lập: 03-08-1998

BẢO MINH NGHỆ AN

60A Lê Hồng Phong, P. Hưng Bình,
TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: (038) 359 1889 - Fax: (038) 383 2327
Ngày thành lập: 08-01-1997

BẢO MINH NINH THUẬN

141 Quang Trung, P. Thanh Sơn,
TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
ĐT: (068) 383 0070 - Fax: (068) 382 0506
Ngày thành lập: 03-08-1998

BẢO MINH PHÚ YÊN

55 Lê Thánh Tôn, P. 1,
TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
ĐT: (057) 382 3257 - Fax: (057) 382 7297
Ngày thành lập: 03-08-1998

BẢO MINH QUẢNG BÌNH

256 Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú,
TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
ĐT: (052) 382 5425 - Fax: (052) 382 5426
Ngày thành lập: 28-12-2001

BẢO MINH QUẢNG NAM

170 Phan Chu Trinh, P. An Mỹ,
TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
ĐT: (0510) 382 9955 - Fax: (0510) 385 9489
Ngày thành lập: 01-01-2003

BẢO MINH QUẢNG NGÃI

655 Quang Trung, P. Nghĩa Chánh
TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
ĐT: (055) 382 5083 - Fax: (055) 382 4677
Ngày thành lập: 06-09-1995

BẢO MINH QUẢNG TRỊ

158 Nguyễn Trãi, P. 1,
TP. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
ĐT: (053) 385 9801 - Fax: (053) 385 9001
Ngày thành lập: 15-03-2002

BẢO MINH THANH HÓA

753 Bà Triệu, P. Trường Thi,
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (037) 385 0931 - Fax: (037) 385 0934
Ngày thành lập: 03-08-1998

BẢO MINH THỪA THIÊN - HUẾ

54 Bến Nghé, P. Phú Hội,
TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế
ĐT: (054) 382 6900 - Fax: (054) 382 8961
Ngày thành lập: 11-01-1997

Các công ty thành viên (Miền Nam)

22 Branches at Southern

BẢO MINH AN GIANG

Số 29 - 31 Nguyễn Văn Cung, P. Mỹ Long,
TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: (076) 394 4096 - Fax: (076) 394 4095
Ngày thành lập: 03-09-1997

BẢO MINH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

35A Đường 3 Tháng 2, P. 8,
TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: (064) 385 4652 - Fax: (064) 385 4696
Ngày thành lập: 11-01-1997

BẢO MINH BẠC LIÊU

15B Trung Tâm Thương Mại, P. 3,
TX. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
ĐT: (0781) 382 8875 - Fax: (0781) 382 8876
Ngày thành lập: 01-01-2003

BẢO MINH BẾN THÀNH

264E Lê Văn Sỹ, Phường 14,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 6290 4086 - Fax: (08) 6290 4087
Ngày thành lập: 30-03-2005

BẢO MINH BẾN TRE

115A2 Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, P. Phú Tân
TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 382 1235 - Fax: (075) 382 1233
Ngày thành lập: 28-12-2001

BẢO MINH BÌNH DƯƠNG

522 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành,
TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (0650) 382 7641 - Fax: (0650) 382 7642
Ngày thành lập: 11-01-1997

BẢO MINH BÌNH PHƯỚC

1163 Phú Riêng Đò, P. Tân Phú,
TX. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
ĐT: (0651) 387 0248 - Fax: (0651) 388 7115
Ngày thành lập: 01-01-2003

BẢO MINH CÀ MAU

146 Nguyễn Tất Thành, P. 8,
TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
ĐT: (0780) 383 1895 - Fax: (0780) 358 0017
Ngày thành lập: 02-04-2001

BẢO MINH CẦN THƠ

8 Phan Văn Trị, P. An Phú,
Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: (0710) 382 6436 - Fax: (0710) 382 6858
Ngày thành lập: 03-11-1995

BẢO MINH CHỢ LỚN

129 Nguyễn Chí Thanh, P. 9,
Q. 5, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3957 1989 - Fax: (08) 3957 1979
Ngày thành lập: 30-03-2005

BẢO MINH ĐỒNG NAI

32 Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Tiến,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (061) 382 7464 - Fax: (061) 382 7457
Ngày thành lập: 13-12-1996

BẢO MINH ĐỒNG THÁP

Số 70 Võ Trường Toản, P. 1,
TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
ĐT: (067) 385 3256 - Fax: (067) 385 3623
Ngày thành lập: 28-12-2001

BẢO MINH HẬU GIANG

Số 379 Trần Hưng Đạo, P.1,
TX. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
ĐT: (0711) 387 7763 - Fax: (0711) 358 0878
Ngày thành lập: 05-05-2006

BẢO MINH KIÊN GIANG

Số 1186 Nguyễn Trung Trực, P. An Bình,
TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
ĐT: (077) 391 1923 - Fax: (077) 391 1922
Ngày thành lập: 07-04-1999

BẢO MINH LONG AN

75 Hùng Vương, P. 2,
TP. Tân An, Tỉnh Long An
ĐT: (072) 382 4720 - Fax: (072) 382 4719
Ngày thành lập: 19-04-1996

BẢO MINH SÀI GÒN

A1-16 Đường Số 7, Khu Sài Gòn Pearl
92 Nguyễn Hữu Cảnh, P. 22,
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 6258 5858 - Fax: (08) 6258 5868
Ngày thành lập: 27-08-2001

BẢO MINH SÓC TRĂNG

309 Lê Duẩn (Phú Lợi 1 nổi dài), Khóm 1, P. 3,
TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
ĐT: (079) 361 5287/ 361 6104 - Fax: (079) 361 6102
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH TÂY NINH

397 Đại lộ 30 Tháng 4, P. 1,
TX. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
ĐT: (066) 382 6839 - Fax: (066) 382 9494
Ngày thành lập: 28-12-2001

BẢO MINH TIỀN GIANG

21A1 Ấp Bắc, P. 4,
TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
ĐT: (073) 625 0375 - Fax: (073) 388 0990
Ngày thành lập: 01-01-2003

BẢO MINH TRÀ VINH

18 Nguyễn Đăng, P. 7,
TX. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
ĐT: (074) 386 2449 - Fax: (074) 386 5979
Ngày thành lập: 22-03-2005

BẢO MINH VĨNH LONG

68/8G Phạm Thái Bường, P. 4,
TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
ĐT: (070) 383 0922 - Fax: (070) 387 8727
Ngày thành lập: 01-01-2003

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3829 4180 - Fax: (08) 3821 3226



Đầu Tư Vào Công Ty Con

Investment In Subsidiaries



Lễ khai trương trụ sở chính
công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh

Bảo Minh đầu tư vào công ty con là Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là “BMSC”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. BMSC có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,02% vốn điều lệ, seabank sở hữu 5% vốn điều lệ.

Hoạt động chính của BMSC là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bao Minh invested in subsidiaries, Bao Minh Securities Joint Stock Corporation (“BMSC”), incorporated in VietNam under Securities Business Certificate No. 90/UBCK-GP dated on April 21st 2008 issued by State Securities Commission of VietNam. BMSC’s charter capital is VND Billion 300, in which the Corporation owns 70.02% of its charter capital, seabank owns 5% of charter capital.

The principal activities of BMSC are to provide securities brokerage, trading securities, underwriting securities, and securities investment advisory.

Đầu Tư Vào Công Ty Liên Doanh

Investment In Joint Ventures



Ban Lãnh đạo UIC

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “UIC”) được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty CP Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép bổ sung của Bộ Tài chính số 09GP/GPKD ngày 29/4/2010 với thời gian hoạt động kể từ ngày cấp GP bổ sung là 35 năm. Tổng công ty có vốn điều lệ 300 tỷ đồng, Bảo Minh chiếm 48,45%, sompo 48,44%, LIG 3,1%.

United Insurance Company (“UIC”) was incorporated in VietNam as a joint venture company between the Bao Minh Insurance Corporation, Sompo Japan Insurance Company (was incorporated in Japan) and LIG Insurance Company Limited (was incorporated in Korea) under Investment Certificate No.2003/GP dated on November 1st 1997 issued by the Ministry of Planning and Investment, and additional Certificate No 09GP/GPKD dated on April 29th 2010 with 35 years of operation period from the date of additional certificate issued by ministry of finance. The corporation’s charter capital is VND 300 billion, Bao Minh owns 48.45%, sompo owns 48.44%, LIG owns 3.1%.

BẢO MINH[®]

Tận tình phục vụ

Nói đến bảo hiểm, Nghĩ tới Bảo Minh Think Insurance, Think Bao Minh



26 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (84.8) 3829 4180 - Fax: (84.8) 3829 4185
Email: baominh@baominh.com.vn
Website: www.baominh.com.vn



CALL CENTER

1800 - 58 88 12

Miễn phí 24/7 toàn quốc